

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo: Sư phạm Tiếng Anh

Trình độ đào tạo: Đại học

Mã ngành: 7140231

THANH HÓA, NĂM 2017

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: Sư phạm Tiếng Anh

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Sư phạm Tiếng Anh

Mã ngành: 7140231

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHHD ngày / /2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức).*

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Sư phạm tiếng Anh trình độ đại học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có kiến thức, kỹ năng, có phương pháp tư duy khoa học, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để thực hiện những nhiệm vụ thuộc chuyên ngành được đào tạo và có khả năng học tập ở bậc cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Sinh viên có kiến thức về ngôn ngữ, văn hoá - xã hội và nghiệp vụ sư phạm.
- + Về ngôn ngữ: Sinh viên có kiến thức về ngôn ngữ Anh để có thể giảng dạy tiếng Anh bậc THPT hoặc có thể chuyển đổi nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu công việc ở một số lĩnh vực trong xã hội như biên tập, biên phiên dịch, thư ký, văn phòng.
- + Về văn hoá - xã hội: Sinh viên có kiến thức cơ bản về các lĩnh vực văn học, văn hoá, xã hội, kinh tế, chính trị, giáo dục của các nước nói tiếng Anh như là ngôn ngữ chính thức và một số nước nói tiếng Anh khác trong cộng đồng Anh ngữ để vận dụng vào dạy học tiếng Anh.
- + Về nghiệp vụ sư phạm: Sinh viên có kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp dạy học để giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác dạy học tiếng Anh.

- Sinh viên có kiến thức về tâm lý, giáo dục học để vận dụng vào thực tiễn quá trình dạy học tiếng Anh.

- Sinh viên có kiến thức thực tiễn về hoạt động của các trường trung học phổ thông để tiếp cận và vận dụng được kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ sư phạm vào dạy học.

- Sinh viên có kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học, công nghệ thông tin để ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học tiếng Anh.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Kỹ năng ngôn ngữ

Sinh viên có năng lực tiếng Anh đạt trình độ tương đương bậc 5/6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam để giao tiếp và sử dụng tiếng Anh trong dạy học ở bậc học THPT và có thể thực hiện những công việc khác có sử dụng tiếng Anh khi chuyển đổi nghề nghiệp.

1.2.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp

Sinh viên có năng lực vận dụng kiến thức về lý luận và phương pháp dạy học vào dạy học tiếng Anh; có kỹ năng giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác dạy học tiếng Anh; lập và thực hiện kế hoạch dạy học tiếng Anh đảm bảo quy định về chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; có khả năng thích ứng với thị trường lao động khi cần chuyển đổi nghề nghiệp.

2.3.2.3. Kỹ năng khác

Kỹ năng tư duy lập luận và giải quyết vấn đề: Có kỹ năng vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh để xác định phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu cụ thể; vận dụng quy luật khách quan, xu thế thời đại vào thực tiễn để phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể trong học tập, nghiên cứu và trong cuộc sống.

Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu: Có kỹ tự học, tự nghiên cứu để có thể làm việc độc lập, làm việc nhóm, hợp tác và làm việc với cộng đồng.

Kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Có kỹ năng vận dụng kiến thức vào điều kiện, môi trường công tác thực tế.

Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ thứ 2: Có kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ 2 đạt trình độ tương đương bậc 3/6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ: Có kỹ năng sử dụng công cụ công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn; khai thác hiệu quả mạng Internet phục vụ cho việc học tập, công tác và nghiên cứu.

1.2.3. Thái độ

Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy chế giáo dục đào tạo; có thái độ cầu thị, chủ động học tập rèn luyện nâng cao trình độ lí luận chính trị để vận dụng vào hoạt động giảng dạy, hoạt động giáo dục đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của người giáo viên; tham gia tích cực các hoạt động chính trị xã hội, hoạt động học tập nghiên cứu các Nghị quyết của Đảng, chủ trương quan điểm đổi mới của ngành giáo dục; sẵn sàng thích ứng với những biến đổi của môi trường nghề nghiệp và cuộc sống lao động, sáng tạo trong nền kinh tế thị trường và trước xu thế hội nhập toàn cầu.

1.2.4. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ dạy học Tiếng Anh ở bậc học phổ thông, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu, quản lí tại các cơ sở giáo dục; có khả năng tự định hướng, thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường giáo dục; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về phương pháp, kĩ thuật dạy học Tiếng Anh; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể trong dạy học Tiếng Anh; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động dạy học Tiếng Anh đáp ứng mục tiêu giáo dục - đào tạo.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 120 tín chỉ (TC), chưa bao gồm các học phần Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

4. Đối tượng tuyển sinh: Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD và ĐT.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Quy chế đào tạo ĐH & CĐ hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng BGD & ĐT (Quy chế 43).

6. Thang điểm: Theo quy chế đào tạo và quy định hiện hành.

7. Nội dung chương trình:

120 Tín chỉ

7.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

28

7.1.1. Lý luận chính trị

12

7.1.2. Ngoại ngữ II

10

+ *Bắt buộc*

0

+ <i>Tự chọn</i>	10
7.1.3. Tin học, KHXH, môi trường	6
7.1.4. Giáo dục thể chất	4
7.1.5. Giáo dục quốc phòng	165t
7.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	92
7.2.1. Kiến thức ngành	10
+ <i>Bắt buộc</i>	10
+ <i>Tự chọn</i>	0
7.2.2. Kiến thức chuyên ngành	51
+ <i>Bắt buộc</i>	47
+ <i>Tự chọn</i>	4
7.2.3 Kiến thức bổ trợ	18
+ <i>Bắt buộc</i>	14
+ <i>Tự chọn</i>	4
7.2.4. Thực tập và khoá luận TN/HP thay thế	13
- Kiến tập sư phạm	2
- Thực tập tốt nghiệp	5
- Khoá luận TN/HP thay thế khoá luận TN	6

8. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học ở học kỳ	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
A	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		28							
I	Lý luận chính trị		12							
1	196045	Những nguyên lý cơ bản của CNML 1	2	21	18		90	1	Nguyên lý	
2	196046	Những nguyên lý cơ bản của CNML 2	3	32	27		135	1	2	Nguyên lý
3	198025	Đường lối CM của ĐCS VN	3	32	27		135	1	4	Đường lối
4	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18		90	1	3	Tư tưởng và PL
5	197030	Pháp luật đại cương	2	18	12	12	90		3	Tư tưởng và PL
II	Ngoại ngữ II		10							
6	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
a	133000	Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Pháp	4	36	48		180		4	NNKC
b	133000	Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Trung Quốc	4	36	48		180		4	NNKC
7	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
a	133005	Ngoại ngữ II – 2: Tiếng Pháp	3	27	36		135	6	5	NNKC
b	133005	Ngoại ngữ II – 2: Tiếng Trung Quốc	3	27	36		135	6	5	NNKC
8	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
a	133055	Ngoại ngữ II – 3: Tiếng Pháp	3	27	36		135	7	6	NNKC
b	133055	Ngoại ngữ II – 3: Tiếng Trung Quốc	3	27	36		135	7	6	NNKC
III	Tin học, KHXH, Môi trường		6							
9	173080	Tin học	2	10		40	90		2	Tin học

										ƯD
10	121005	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	18	24		90		1	Ngôn ngữ học
11	125105	Môi trường và con người	2	18	24		90		1	Địa lý
IV	Giáo dục thể chất		4							
	191004	Giáo dục thể chất 1	2	0	40					LL&PPG D GDTC
	191005	Giáo dục thể chất 2								
	<i>Chọn 1 trong 5 học phần</i>									
a	191031	Bóng chuyền	2	0	60					Điền kinh -TD
b	191032	Thể dục Aerobic	2	0	60					Điền kinh -TD
c	191033	Bóng đá	2	0	60					Bóng
d	191034	Bóng rổ	2	0	60					Bóng
e	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2	0	60					Bóng
V	Giáo dục quốc phòng		165t							
a		Đường lối quân sự của Đảng								
b		Công tác quốc phòng, an ninh								
c		Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiêu liên AK (CKC)								
B	KIẾN THỨC GD CHUYÊN NGHIỆP		92							
I	Kiến thức ngành		10							
12	181080	Tâm lý học	4	36	48		180	1	2	TLGD
13	182005	Giáo dục học	4	36	48		180	1,2	3	TLGD
14	198000	Quản lý HC NN và QLGD	2	18	24		90	1,2,13	8	TLGD
II	Kiến thức chuyên ngành		51							
15	132002	Lý luận dạy tiếng Anh	2	12	18	18	90	20,21	5	NN- VH -PPGD

16	132020	Kỹ thuật dạy tiếng Anh 1	2	12	18	18	90	15	6	NN- VH -PPGD
17	132048	Kiểm tra đánh giá trong DH tiếng Anh	2	12	18	18	90	16	7	NN- VH -PPGD
18	131076	Ngữ pháp	3	27	36		90		1	NN-VH- PPGD
19	132001	PP NC khoa học chuyên ngành tiếng Anh	2	18	24		90		4	NN VH – PPGD
20	131009	Kỹ năng Nghe Nói 1	3	25	38				1	PTKN
21	131032	Kỹ năng Đọc Viết 1	3	25	38				1	PTKN
22	131033	Kỹ năng Nghe Nói 2	3	25	38			20	2	PTKN
23	131034	Kỹ năng Đọc Viết 2	3	25	38			21	2	PTKN
24	131036	Kỹ năng Nghe Nói 3	3	25	38			22	3	PTKN
25	131037	Kỹ năng Đọc Viết 3	3	25	38			23	3	PTKN
26	131038	Kỹ năng Nghe Nói 4	3	25	38			24	4	PTKN
27	131039	Kỹ năng Đọc Viết 4	3	25	38			25	4	PTKN
28	131041	Kỹ năng Nghe Nói 5	3	25	38			26	5	PTKN
29	131044	Kỹ năng Đọc Viết 5	3	25	38			27	5	PTKN
30	131047	Kỹ năng Nghe Nói 6	3	25	38			28	7	PTKN
31	131048	Kỹ năng Đọc Viết 6	3	25	38			29	6	PTKN
32	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2							
a	132057	Kỹ thuật dạy tiếng Anh 2	2	12	18	18	90	16	7	NN- VH -PPGD
b	132013	Dạy tiếng Anh cho trẻ em	2	12	18	18	90	15	7	NN- VH -PPGD
33	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2							
a	123100	Ngữ âm- âm vị học	2	18	24		90		2	NN-VH- PPGD
b	132009	Luyện phát âm tiếng Anh	2	18	24		90		2	NN-VH- PPGD
III	Kiến thức bổ trợ		18							
34	123069	Từ vựng – Ngữ nghĩa học	2	18	24		90	20,21	7	NN-VH-

										PPGD
35	132011	Biên dịch 1	2	18	24		90	22,23	5	NN-VH-PPGD
36	132014	Biên dịch 2	2	18	24		90	35	6	NN-VH-PPGD
37	132021	Phiên dịch	3	27	36		90	24,25	6	NN-VH-PPGD
38	132058	Văn học Anh -Mỹ	3	27	36		135	24,25	7	NN-VH-PPGD
39	131085	Văn hoá Anh -Mỹ	2	18	24		135	22,23	5	NN-VH-PPGD
40	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>		2							
a	132065	Ngữ dụng học	2	18	24		90	20,21	8	NN-VH-PPGD
b	132024	Ngôn ngữ học tri nhận	2	18	24		90	22,23	8	NN-VH-PPGD
c	132063	Phân tích điển ngôn	2	18	24		90	34	8	NN-VH-PPGD
41	<i>Chọn 1 trong 5 học phần</i>		2							
a	132052	Giao thoa văn hoá	2	18	24		90	24,25	7	NN-VH-PPGD
b	132053	Giao tiếp liên văn hoá	2	18	24		90	24,25	7	NN-VH-PPGD
c	233055	Tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai	2	12	18	18	90	24,25	7	NN-VH-PPGD
d	233056	Kỹ năng thuyết trình	2	18	24		90	24,25	7	NN-VH-PPGD
e	132015	Công nghệ trong dạy học ngoại ngữ	2	18	24		90	15	7	NN-VH-PPGD
IV	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp		13							
42	132005	Kiến tập sư phạm	2					15	6	
43	132010	Thực tập tốt nghiệp	5					32	8	
44	132068	Khoá luận tốt nghiệp	6						8	Khoa NN

45	Học phần thay thế khóa luận		6							
	<i>Chọn 2 trong 6 học phần</i>									
a	132026	Thiết kế giáo án và PT tài liệu dạy học	3	27	36		135	28,29	8	NN-VH-PPGD
b	132075	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	27	36		135	28,29	8	NN- VH-PPGD
c	132027	Phong cách học	3	27	36		135	28,29	8	NN- VH-PPGD
d	132028	Ngôn ngữ học xã hội	3	27	36		135	28,29	8	NN- VH-PPGD
e	131065	Tiếng Anh kinh tế	3	27	36		135	28,29	8	NN- VH-PPGD
f	131060	Tiếng Anh du lịch	3	27	36		135	28,29	8	NN- VH-PPGD
	Tổng		120							

9. Mô tả nội dung các học phần

9.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin (P1)/Basic principles of Marxism (Part 1); 2 TC (21, 18, 0)

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- Nội dung học phần: Sự hình thành, phát triển của chủ nghĩa Mác – Lênin; quan điểm duy vật biện chứng về bản chất của thế giới, bản chất của nhận thức; bản chất của con người; các nguyên lý, các quy luật cơ bản của sự tồn tại, vận động và phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy.

- Năng lực đạt được: Sinh viên nắm được những quan điểm, những nguyên lý, những quy luật cơ bản của triết học duy vật biện chứng; hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng; sinh viên biết vận dụng kiến thức đã học để giải thích đúng đắn các hiện tượng, các vấn đề đang đặt ra trong tự nhiên, xã hội và tư duy; sinh viên biết vận dụng kiến thức đã học vào hoạt động nhận thức và thực tiễn của bản thân, giúp cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của bản thân hiệu quả hơn.

9.2. Những NL cơ bản của CN Mác – Lênin (P2)/Basic principles of Marxism (Part 2); 3 TC (32, 26, 0)

- *Điều kiện tiên quyết:* Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 1

- Nội dung học phần: Phần 1 gồm các học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thông qua các học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Phần 2 là quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về cách mạng xã hội chủ nghĩa, về dân chủ, văn hóa, dân tộc, tôn giáo trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và triển vọng của chủ nghĩa xã hội hiện thực.

- Năng lực đạt được: Sinh viên nắm được các phạm trù, các quy luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản trong từng giai đoạn phát triển của nó; tính tất yếu của việc ra đời chủ nghĩa xã hội; những vấn đề có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa. Sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học để hiểu và giải thích đúng những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế hiện nay; thêm tin tưởng vào sự thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

9.3. Đường lối cách mạng của ĐCSVN/The Vietnamese communist party's resolutions; 3 TC (32, 26,0)

- *Điều kiện tiên quyết:* Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1
- Nội dung học phần: Sự ra đời của ĐCSVN, đường lối chủ trương của Đảng trong hai cuộc cách mạng, CMDTDCND và CMXHCN, đường lối của ĐCSVN trong thời kỳ đổi mới đất nước.
- Năng lực đạt được: Sinh viên nhận thức đầy đủ, sâu sắc quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; SV có cơ sở để vận dụng kiến thức chuyên ngành giải quyết một cách chủ động, tích cực những vấn đề do thực tiễn đặt ra; Có được niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu theo mục tiêu lý tưởng của Đảng, góp phần vào quá trình xây dựng; phát triển nhân cách của SV đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

9.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh/Ho Chi Minh's ideologies; 02 TC (21, 18, 0)

- *Điều kiện tiên quyết:* Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1
- Nội dung học phần: Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh, bản chất, đặc điểm, đối tượng và ý nghĩa của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh; quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; các nội dung chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản VN; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.
- Năng lực đạt được: Sinh viên nâng cao được tư duy lý luận, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn; vận dụng được kiến thức đã học để lý giải, đánh giá đúng đắn các hiện tượng xã hội và các vấn đề đặt ra trong cuộc sống; biết vận dụng lý luận vào thực tiễn để rèn luyện và hoàn thiện bản thân theo phong cách Hồ Chí Minh.

9.5. Pháp luật đại cương/Basic law; 2TC (18,12,12)

- *Điều kiện tiên quyết:* Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1
- Nội dung học phần: Những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa

Việt Nam; Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

- Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội.

9.6. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Pháp 1/The Second Foreign Language -1: The French 1; 4 TC (36,48,0)

- *Điều kiện tiên quyết*: Không

- Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và hình thành các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ để giới thiệu về bản thân và người khác, trả lời những câu hỏi về thông tin cá nhân; đọc, viết và nghe các đoạn văn hoặc cuộc hội thoại ngắn bằng tiếng Pháp.

- Năng lực đạt được: Người học đạt trình độ tương đương bậc 2/6 mức 2 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

b. Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Trung Quốc 1/The Second Foreign Language -1: The Chinese 1; 4 TC (36,48,0)

- *Điều kiện tiên quyết*: Không

- Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và hình thành các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ để giới thiệu về bản thân và người khác, trả lời những câu hỏi về thông tin cá nhân; đọc, viết và nghe các đoạn văn hoặc cuộc hội thoại ngắn bằng tiếng Trung Quốc.

- Năng lực đạt được: Người học đạt trình độ tương đương bậc 2/6 mức 2 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

9.7. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Ngoại ngữ II – 2: Tiếng Pháp 2/ The Second Foreign Language -2:The French 2; 3 TC (27,36,0)

- *Điều kiện tiên quyết*: Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Pháp 1

- Nội dung học phần: Học phần tiếp tục nâng cao kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp đơn giản với các chủ đề quen thuộc

hàng ngày như: gia đình, bản thân, thời tiết, mua sắm, hỏi đường, việc làm; nghe hiểu và mô tả một cách đơn giản về bản thân hay môi trường xung quanh.

- Năng lực đạt được: Người học đạt trình độ tương đương bậc 2/6 mức 3 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

b. Ngoại ngữ II – 2: Tiếng Trung Quốc 2/ The Second Foreign Language – 2:The Chinese 2; 3 TC (27,36,0)

- *Điều kiện tiên quyết*: Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Trung Quốc 1

- Nội dung học phần: Học phần tiếp tục nâng cao kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp đơn giản với các chủ đề quen thuộc hàng ngày như: gia đình, bản thân, thời tiết, mua sắm, hỏi đường, việc làm; nghe hiểu và mô tả một cách đơn giản về bản thân hay môi trường xung quanh.

- Năng lực đạt được: Người học đạt trình độ tương đương bậc 2/6 mức 3 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

9.8. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Ngoại ngữ II – 3: Tiếng Pháp 3/ The Second Foreign Language -3:The French 3; 3 TC (27,36,0)

- *Điều kiện tiên quyết*: Ngoại ngữ II – 2: Tiếng Pháp 2

- Nội dung học phần: Học phần tiếp tục nâng cao kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ liên quan đến các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí...; xử lý một số tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; người học có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc.

- Năng lực đạt được: Người học đạt trình độ tương đương bậc 3/6 mức 1 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

b. Ngoại ngữ II – 3: Tiếng Trung Quốc 3/ The second foreign language: The Chinese 3; 3 TC (27,36,0)

- *Điều kiện tiên quyết*: Ngoại ngữ II – 2: Tiếng Trung Quốc 2

- Nội dung học phần: Học phần tiếp tục nâng cao kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ liên quan đến các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí...; xử lý một số tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; người học có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc.

- Năng lực đạt được: Người học đạt trình độ tương đương bậc 3/6 mức 1 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

9.9. Tin học/ Informatics; 2TC (10;0;40)

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Tổng quan về tin học, máy tính, hệ điều hành Windows, mạng máy tính, Internet, các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính và trình chiếu.

- Năng lực đạt được: Sinh viên sử dụng máy tính đúng cách, tổ chức dữ liệu trên máy tính một cách khoa học, có hệ thống; khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc.

9.10. Cơ sở văn hóa Việt Nam/Basic Vietnamese Culture; 2 TC (18,24,0)

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung học phần gồm: Những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam.

- Năng lực đạt được: Sinh viên trình bày được những thành tố cơ bản của văn hóa; nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc; vận dụng vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng văn hóa trong đời sống hiện nay.

9.11. Môi trường và con người/Environment and human; 2TC (18;18;6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Khái niệm, phân loại môi trường; các vấn đề về tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; thực trạng, nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước,... trên thế giới cũng như ở Việt Nam; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; các vấn đề về an toàn lao động trong sản xuất và cuộc sống.

Năng lực đạt được: Sinh viên biết phát hiện và giải quyết tốt các tình huống sinh thái, môi trường trong cuộc sống; tính toán, phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá một cách định tính và định lượng các yếu tố này

trong việc sử dụng tài nguyên và BVMT; xây dựng được kế hoạch và thực hiện tốt các kỹ năng về vệ sinh và an toàn lao động.

Giáo dục thể chất 1/Physical Education; 2 TC (10; 0; 40)

- *Điều kiện tiên quyết*: Không

- Nội dung học phần: Học phần gồm giáo dục thể chất trong trường đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa môn bóng chuyền, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng rổ, Vovinam - Việt võ đạo, chạy cự ly ngắn và nhảy xa ưỡn thân; bài tập thể dục tay không 9 động tác.

- Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của bài tập thể dục tay không 9 động tác, chạy cự ly ngắn và môn nhảy xa ưỡn thân; tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài của các môn chạy cự ly ngắn và môn nhảy xa ưỡn thân ở các giải phong trào, v.v...

Giáo dục thể chất 2//Physical Education 2; 2 TC (0; 0; 60)

Chọn 1 trong 5 nội dung:

a) Bóng chuyền/Volleyball

- *Điều kiện tiên quyết*: GDTC1

- Nội dung học phần: Các kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tu thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay trước mặt)

Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (Tu thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng cao tay trước mặt); có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn bóng chuyền ở các giải phong trào.

b) Thể dục Aerobic/ Aerobic Dansports

- *Điều kiện tiên quyết*: GDTC1

- Nội dung học phần: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình trong kết cấu một bài Aerobic Dansports, bài liên kết Aerobic Dansports không có nhạc.

Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình trong kết cấu một bài Aerobic Dansports, bài liên kết Aerobic Dansports không có nhạc và có nhạc.

c) Bóng đá/Football

- Điều kiện tiên quyết: GDTC1

- Nội dung học phần: Các bài tập chiến thuật tấn công, phòng thủ trong thi đấu Bóng đá, luật bóng đá (Sân 11 người, 7 người, 5 người). Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu và trọng tài

- Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá (Đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong, mu ngoài, mu chính diện, mu lai má..); Tổ chức tập luyện, hình thức tập luyện, các bài tập chiến thuật áp dụng vào tập luyện và thi đấu; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải bóng đá phong trào.

d) Bóng rổ/Basketball

- Điều kiện tiên quyết: GDTC1

- Nội dung học phần: Các kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Các kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật dẫn bóng, chuyền bóng bằng 1 tay, 2 tay). Các kỹ thuật tại chỗ ném rổ tựa bảng bằng 1 tay trên cao, kỹ thuật di chuyển 2 bước bật nhảy ném rổ bằng 1 tay trên cao; kỹ thuật móc xuôi, móc ngược trong bóng rổ.

- Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ; kỹ thuật dẫn bóng nhanh bằng 1 tay, 2 tay; kỹ thuật tại chỗ ném rổ bằng 1 tay trên cao; kỹ thuật di chuyển 2 bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng 1 tay trên cao; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải bóng rổ phong trào.

e) Vovinam – Việt võ đạo/Vovinam Marital Art

- Điều kiện tiên quyết: GDTC1

- Nội dung học phần: Các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam, từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn vovinam.

- Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam (Tu thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; chào mã tấn; định tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam); có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải Vovinam phong trào.

*** Giáo dục Quốc phòng/Military Education**

a) Đường lối quân sự của Đảng/The Vietnamese Communist party's military policy; 3 ĐVHT

- *Điều kiện tiên quyết*: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Nội dung học phần: Quan điểm Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng, an ninh nhân dân; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam.

- Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích được nguồn gốc, bản chất chiến tranh, tính tất yếu và mục tiêu bảo vệ Tổ quốc để nhận thức đúng quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng, an ninh, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, kết hợp kinh tế xã hội với quốc phòng - an ninh; vận dụng nghệ thuật quân sự trong bảo vệ Tổ quốc.

b) Công tác Quốc phòng, An ninh/Security and Defense; 3 ĐVHT

- *Điều kiện tiên quyết*: Không

- Nội dung học phần: Phòng chống "diễn biến hòa bình"; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền quốc gia; Một số nội dung về dân tộc, tôn giáo và phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo; bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội.

- Năng lực đạt được: Sinh viên nhận thức được âm mưu, thủ đoạn và tham gia đấu tranh, phòng chống "diễn biến hòa bình"; vận dụng kiến thức tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh và giữ gìn trật tự xã hội; bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Việt Nam.

c) Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)/Basic Military Tactics; 2 ĐVHT

- *Điều kiện tiên quyết*: Không

- Nội dung học phần: Điều lệnh đội ngũ và ba môn quân sự phối hợp; bản đồ quân sự; một số loại vũ khí bộ binh; Thuốc nổ; Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; Tùng người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự, các tư thế vận động trong chiến đấu; tính năng, tác dụng và kỹ thuật bắn súng AK (CKC) với mục tiêu cố định ban ngày.

- Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các bước, động tác đội ngũ đơn vị; sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí, bản đồ địa hình; vận dụng kiến thức

chiến thuật bộ binh; biết phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn; thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyển thương; biết bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK.

9.12. Tâm lý học/Psychology ; 4TC (36;40;8)

- *Điều kiện tiên quyết*: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin 1

- Nội dung học phần: Bản chất, chức năng của Tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý ý thức; Hoạt động nhận thức (nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính); Nhân cách và sự phát triển nhân cách; Lý luận về sự phát triển trẻ em; Tâm lý học lứa tuổi học sinh THCS và THPT ; Hoạt động dạy học; Hành vi đạo đức; Nhân cách của người thầy giáo, v.v...

- Năng lực đạt được: Sinh viên nhận diện được các đặc điểm tâm lý con người nói chung và đặc điểm tâm lý học sinh THCS và THPT nói riêng; giải quyết được các tình huống nảy sinh trong hoạt động sư phạm, hình thành các phẩm chất và năng lực của người giáo viên trong tương lai, v.v...

9.13. Giáo dục học/Education study; 4 TC (36,48,0)

- *Điều kiện tiên quyết*: Tâm lý học đại cương

- Nội dung học phần: Đối tượng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản và hệ thống các phương pháp nghiên cứu giáo dục học; vai trò của yếu tố di truyền, môi trường, giáo dục trong sự hình thành và phát triển nhân cách, các nhiệm vụ giáo dục ở nhà trường phổ thông; những vấn đề cơ bản của lí luận dạy học, giáo dục và chức năng nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm lớp .

- Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích, tổng hợp được những tri thức về giáo dục học; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ giáo dục ở nhà trường; vận dụng được kiến thức giáo dục học trong công tác dạy học và giáo dục ở trường phổ thông.

9.14. Quản lý NN & QLGD/ Administration and Education Management; 2 TC (18,24,0)

- *Điều kiện tiên quyết*:

- Nội dung học phần: Hệ thống lý luận cơ bản về tổ chức và hoạt động của Nhà nước; Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về Giáo dục và đào tạo từ năm 2011 đến năm 2020, Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011- 2020; Luật công chức; Luật giáo dục; Điều lệ trường THCS & THPT theo quy định của Bộ Giáo dục & đào tạo đối với bậc học; Thực tiễn giáo dục ở địa phương về nhu cầu phát triển giáo dục & đào tạo trong giai đoạn hiện nay.

- Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện và áp dụng được các điều luật, điều lệ giáo dục phổ thông, điều hành, điều chỉnh toàn bộ các hoạt động giáo dục nơi mình công tác sau này đúng định hướng chiến lược GD của Đảng để thực hiện mục tiêu giáo dục nước nhà.

9.15. Lý luận dạy tiếng Anh/English Language Teaching Theories; 2TC(12,18,18)

- *Điều kiện tiên quyết*: Kỹ năng Nghe Nói 1, Kỹ năng Đọc Viết 1

- Nội dung học phần: Gồm kiến thức cơ bản về lịch sử ra đời, những ưu, nhược điểm của các phương pháp dạy học ngoại ngữ đã và đang được áp dụng trong các nước trên thế giới; những yếu tố tác động đến quá trình dạy học ngoại ngữ như: động cơ học tập, năng khiếu ngôn ngữ, kiểu tư duy.

- Năng lực đạt được: Sinh viên hiểu rõ và vận dụng được các đường hướng dạy học ngoại ngữ, các khía cạnh trong dạy học ngoại ngữ và hiện thực dạy học ngoại ngữ tại Việt Nam.

9.16. Kỹ thuật dạy tiếng Anh 1/ English Language Teaching Techniques 1; 2TC (12,18,18)

- *Điều kiện tiên quyết*: Lý luận dạy học tiếng Anh

- Nội dung học phần: Gồm những kiến thức cơ bản về phương pháp và các kỹ thuật dạy từ vựng – ngữ pháp, cấu trúc và cách biên soạn giáo án, cách tiến hành giờ dạy từ vựng – ngữ pháp.

- Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng các kỹ thuật dạy từ vựng – ngữ pháp, lựa chọn kỹ thuật phù hợp cho từng nội dung bài học, từng bước trong giờ dạy từ vựng – ngữ pháp; thiết kế giáo án và tiến hành dạy từ vựng – ngữ pháp vào việc tổ chức hoạt động dạy học tiếng Anh; đánh giá nội dung và hiệu quả của một tiết dạy từ vựng – ngữ pháp.

9.17. Kiểm tra đánh giá trong dạy học tiếng Anh/ Testing in English teaching; 3TC (18,27,27)

- *Điều kiện tiên quyết*: Kỹ thuật dạy tiếng Anh 1

- Nội dung học phần: Gồm những kiến thức cơ bản về mục đích, yêu cầu của kiểm tra đánh giá trong quá trình học tập, phân loại các loại hình kiểm tra đánh giá như kiểm tra định kỳ, kiểm tra phân loại, kiểm tra cuối kỳ... Những nguyên tắc cơ bản của quá trình thiết kế bài kiểm tra, tiêu chí cho điểm, cách thiết lập thang điểm nhằm đánh giá chính xác chất lượng quá trình học tập của học sinh.

- Năng lực đạt được: Sinh viên thiết kế được bài kiểm tra theo một ma trận xây dựng sẵn, nắm vững các loại hình kiểm tra, các loại bài kiểm tra tính hiệu lực và độ tin cậy của bài kiểm tra, kiểm tra từng kỹ năng và kiểm tra tổng hợp, đặc điểm của bài kiểm tra cho trẻ em, cách tiến hành tổ chức một kỳ thi. Biết cách ra đề bài kiểm tra sau một chương, một kỳ, một khóa học và đánh giá các nội dung được đưa ra trong một bài kiểm tra.

9.18. Ngữ pháp/English grammar; 3 TC (27,36,0)

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- Nội dung học phần: Các vấn đề ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh như: từ loại, thì, thể, thức, các dạng cấu trúc câu tiếng Anh; các bài tập vận dụng các kiến thức của môn học.

- Năng lực đạt được: Sinh viên hiểu đúng và đầy đủ về ngữ pháp tiếng Anh, giải thích được các hiện tượng ngữ pháp và vận dụng vào giải quyết các bài tập ngữ pháp tiếng Anh, vận dụng các thì tiếng Anh, các dạng cấu trúc căn bản trong tiếng Anh để sử dụng tiếng Anh thành thạo, chính xác hơn.

9.19. Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành tiếng Anh/ Scientific research methods in ELT; 2 TC (18,24,0)

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành, đặc biệt trong lĩnh vực ngôn ngữ và phương pháp dạy học tiếng nước ngoài như: phương pháp điều tra, phương pháp thực nghiệm và các kỹ thuật thu thập và xử lý số liệu của một nghiên cứu như: phỏng vấn, quan sát, thống kê, khảo sát, đối chiếu, miêu tả v.v.

- Năng lực đạt được: Sinh viên bước đầu thực hiện một đề cương nghiên cứu khoa học giáo dục trong lĩnh vực dạy học ngoại ngữ, biết sử dụng các công cụ, được rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, hiểu được các giai đoạn của từng loại hình nghiên cứu khác nhau, biết phân tích, đánh giá một công trình nghiên cứu cụ thể.

9.20. Kỹ năng Nghe Nói 1/ Listening-Speaking skills 1; 3TC (25, 38, 0)

- *Điều kiện tiên quyết:* 0

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học vốn từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ sơ cấp để nghe hiểu và sử dụng trong những tình huống giao tiếp liên quan đến nội dung chủ đề bài học như: giới thiệu bản thân, gia đình, đất nước, con người, du lịch, sức khỏe, tiêu khiển, phong tục tập quán, ẩm thực, mua sắm...

- Năng lực đạt được: Người học nghe hiểu và sử dụng được hệ thống từ vựng, áp dụng được các cấu trúc câu đã học vào các tình huống giao tiếp thực tế như giới thiệu về bản thân, về gia đình; miêu tả danh lam thắng cảnh, miêu tả sự vật hiện tượng, phong tục tập quán, bày tỏ được việc chấp nhận hoặc từ chối lời mời.... Kết thúc học phần người học đạt bậc 2/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

9.21. Kỹ năng Đọc Viết 1/ Reading-Writing skills 1; 3TC (25, 38, 0)

- *Điều kiện tiên quyết:* 0

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học vốn từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ sơ cấp để có thể hiểu các chủ đề sức khỏe, học tập, tiền tệ, giáo dục, công nghệ, thể thao, lễ hội...; cách viết đoạn văn mô tả, quá trình, ví dụ, ý kiến, tường thuật.

- Năng lực đạt được: Có thể hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc; xác định được thông tin chính và thông tin cụ thể trong các văn bản đơn giản; có thể viết các mệnh đề, câu đơn giản và nối với nhau bằng các liên từ; có thể viết một đoạn văn mô tả, quá trình, ví dụ, ý kiến, tường thuật. Kết thúc học phần người học đạt bậc 2/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

9.22. Kỹ năng Nghe Nói 2/Listening-Speaking skills 2; 3TC (25, 38, 0)

- *Điều kiện tiên quyết:* Kỹ năng Nghe Nói 1

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học vốn từ vựng, cấu trúc câu ở mức tiền trung cấp để có thể nghe hiểu và thực hiện những giao tiếp liên quan đến nội dung chủ đề bài học như: công việc, thời tiết, môi trường, công nghệ, thể thao, các phương tiện giao thông, các mối quan hệ xã hội...

- Năng lực đạt được: Người học nghe hiểu và sử dụng được hệ thống từ vựng, áp dụng được các cấu trúc câu đã học vào các tình huống giao tiếp thực tế như biết cách thông báo về thời tiết, cách bày tỏ thái độ hoặc ý kiến của mình khi đưa ra hoặc chấp nhận lời khuyên; biết cách miêu tả và đưa ra nhận xét về các phát minh, các môn thể thao...; Có khả năng diễn đạt khá tự tin về các vấn đề liên quan đến tình bạn, công việc của mình. Kết thúc học phần người học đạt bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

9.23. Kỹ năng Đọc Viết 2/Reading-Writing skills 2; 3TC (25, 38, 0)

- *Điều kiện tiên quyết:* Kỹ năng Đọc Viết 1

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học vốn từ vựng, cấu trúc câu ở mức tiền trung cấp để có thể hiểu các bài đọc về các chủ đề mua sắm, âm nhạc, ngôn ngữ,

công nghệ, tiền tệ...; cách viết bài luận ba đoạn mô tả, ý kiến, tường thuật, so sánh và đối chiếu, nguyên nhân và kết quả.

- Năng lực đạt được: Có thể tìm thấy và hiểu các thông tin liên quan trong các bài viết ở mức độ tiền trung cấp; có thể viết các mệnh đề, câu đơn giản và nối với nhau bằng các liên từ; bài luận ngắn văn mô tả, ý kiến, tường thuật, so sánh và đối chiếu, nguyên nhân và kết quả. Kết thúc học phần người học đạt bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

9.24. Kỹ năng Nghe Nói 3/Listening-Speaking skills 3; 3TC (25, 38, 0)

- *Điều kiện tiên quyết:* Kỹ năng Nghe Nói 2

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học vốn từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ trung cấp để có thể nghe hiểu và thực hiện những giao tiếp liên quan đến nội dung chủ đề bài học như: Xúc cảm, ngôn ngữ cơ thể, giáo dục, y học, nghề nghiệp...

- Năng lực đạt được: Kết thúc học phần, sinh viên nghe hiểu và sử dụng được hệ thống từ vựng, áp dụng được các cấu trúc câu đã học vào các tình huống giao tiếp thực tế như nghe hiểu và diễn đạt được cảm xúc, cảm giác (vui, buồn, ngạc nhiên, thất vọng...); biết cách so sánh các sự vật hiện tượng (phương pháp học tập, tiện ích của công nghệ, tiến bộ của y học...); biết trình bày quan điểm và đưa ra nhận xét về cách lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai. Kết thúc học phần người học đạt tiền bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

9.25. Kỹ năng Đọc Viết 3/ Reading-Writing skills 3; 3TC (25, 38, 0)

- *Điều kiện tiên quyết:* Kỹ năng Đọc Viết 2

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học vốn từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ trung cấp để có thể hiểu các bài đọc về các chủ đề tình yêu và hôn nhân, văn hóa, thời trang, y học, nghệ thuật, giao thông...; cách viết bài luận năm đoạn về quá trình, nguyên nhân, kết quả, tranh luận, phân loại và phản hồi.

- Năng lực đạt được: Có thể hiểu các bài báo và các báo cáo liên quan đến các vấn đề thời sự ở mức độ trung cấp; có thể viết một bài luận hoặc một báo cáo, phát triển các lập luận một cách hệ thống, nêu bật được những ý chính và có những minh họa phù hợp. Kết thúc học phần người học đạt tiền bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

9.26. Kỹ năng Nghe Nói 4/Listening-Speaking skills 4; 3TC (25, 38, 0)

- *Điều kiện tiên quyết:* Kỹ năng Nghe Nói 3

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học vốn từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ trên trung cấp để có thể nghe hiểu và diễn đạt bằng lời nói về các chủ đề như: người nổi tiếng, khoa học vũ trụ, luật lệ, khoa học và công nghệ ...

Học phần tập trung vào phát triển khả năng làm việc độc lập của người học như trình bày quan điểm hoặc thể hiện ý kiến cá nhân, tạo ra những tình huống để rèn luyện kỹ năng nghe nói.

- Năng lực đạt được: Sinh viên có thể nghe hiểu các bài nói trực tiếp hoặc ghi lại nội dung các chủ đề đã học; Có thể hiểu ý chính của các bài nói phức tạp cả về nội dung và ngôn ngữ; Có thể theo dõi được bài nói dài cũng như các lập luận phức tạp về các vấn đề xã hội khi bài nói có cấu trúc rõ ràng; Có thể giao tiếp độc lập, có lập luận và cấu trúc khá mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ khá trôi chảy, chính xác. Kết thúc học phần người học đạt bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

9.27. Kỹ năng Đọc Viết 4/ Reading-Writing skills 4; 3TC (25, 38, 0)

- *Điều kiện tiên quyết:* Kỹ năng Đọc Viết 3

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học vốn từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ trên trung cấp để có thể hiểu các bài đọc về các chủ đề danh tiếng, trái đất, luật lệ, khoa học và công nghệ ...; cách viết bài luận năm đoạn thể hiện ý kiến hai chiều, thư trang trọng, không trang trọng, đề xuất, nhận xét về bộ phim...

- Năng lực đạt được: Có thể hiểu các bài báo và các báo cáo liên quan đến các vấn đề thời sự ở mức độ trên trung cấp; viết bài luận năm đoạn thể hiện ý kiến hai chiều, thư trang trọng, không trang trọng, đề xuất, nhận xét về bộ phim... Kết thúc học phần người học đạt bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

9.28. Kỹ năng Nghe Nói 5/Listening-Speaking skills 5; 3TC (25, 38, 0)

- *Điều kiện tiên quyết:* Kỹ năng Nghe Nói 4

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học vốn từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ tiên cao cấp để có thể nghe hiểu và diễn đạt bằng lời nói về các chủ đề của nội dung bài học như: các vấn đề về tự nhiên, xã hội, văn hóa, chính trị, giáo dục, du lịch, thương mại...

- Năng lực đạt được: Sinh viên có thể nghe hiểu nội dung chính các bài thuyết trình khá dài khi được diễn đạt rõ ràng và bằng giọng chuẩn. Có thể thuyết trình về một chủ đề nhất định, giải thích và bảo vệ quan điểm của mình một cách rõ ràng bằng lập

luận chặt chẽ và phù hợp, sử dụng ngôn từ trôi chảy, chính xác. Kết thúc học phần người học đạt tiên bậc 5/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

9.29. Kỹ năng Đọc Viết 5/ Reading-Writing skills 5; 3TC (25, 38, 0)

- *Điều kiện tiên quyết*: Kỹ năng Đọc Viết 4

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học vốn từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ tiên cao cấp để có thể hiểu các bài đọc về các chủ đề nghệ thuật, y học, công nghệ, kinh doanh, nghiên cứu...; cách mô tả biểu đồ, bảng biểu, bản đồ...; cách viết bài luận thể hiện ý kiến, thuận lợi, không thuận lợi, nguyên nhân, giải pháp.

- Năng lực đạt được: Có thể hiểu tường tận nhiều loại văn bản dài, phức tạp thường gặp trong đời sống xã hội, trong môi trường công việc hay học thuật; mô tả biểu đồ, bảng biểu, bản đồ...; cách viết bài luận thể hiện ý kiến, thuận lợi, không thuận lợi, nguyên nhân, giải pháp. Kết thúc học phần người học đạt tiên bậc 5/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

9.30. Kỹ năng Nghe Nói 6/Listening-Speaking skills 6; 3TC (25, 38, 0)

- *Điều kiện tiên quyết*: Kỹ năng Nghe Nói 5

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học vốn từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ cao cấp để có thể nghe hiểu các bài nghe nâng cao như bản tin thời sự, các bài nói chuyện, bài giảng có nội dung khá phức tạp về nhiều lĩnh vực trong cuộc sống xã hội...

- Năng lực đạt được: Người học có thể theo dõi và hiểu được các bài giảng hay những bài thuyết trình chuyên ngành có sử dụng nhiều lối nói tự nhiên, chứa đựng các yếu tố văn hóa hoặc các thuật ngữ không quen thuộc. Hiểu được những vấn đề tinh tế, phức tạp hoặc dễ gây tranh cãi như pháp luật, tài chính; có thể truyền đạt chính xác các sắc thái ý nghĩa tinh tế với độ chính xác cao. Sử dụng thành thạo các cách diễn đạt kiểu thành ngữ với nhận thức rõ về các tầng nghĩa. Có thể đổi cách diễn đạt để tránh gặp khó khăn khi giao tiếp và thể hiện một cách trôi chảy đến mức người đối thoại khó nhận ra điều đó. Kết thúc học phần người học đạt bậc 5/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

9.31. Kỹ năng Đọc Viết 6/ Reading-Writing skills 6; 3TC (25, 38, 0)

- *Điều kiện tiên quyết*: Kỹ năng Đọc Viết 5

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học vốn từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ cao cấp để có thể hiểu các loại văn bản dài, phức tạp, xác định được các

chi tiết tinh tế như thái độ hay ý kiến ẩn ý hoặc rõ ràng; cách mô tả biểu đồ, bảng biểu, bản đồ, cách viết bài luận, viết thư trang trọng, không trang trọng ở mức độ nâng cao.

- Năng lực đạt được: Có thể hiểu tường tận nhiều loại văn bản dài, phức tạp, xác định được các chi tiết tinh tế như thái độ hay ý kiến ẩn ý hoặc rõ ràng, có thể tóm tắt các đoạn văn bản dài, khó; có thể mô tả biểu đồ, bảng biểu, bản đồ, viết bài luận, viết thư trang trọng, không trang trọng ở mức độ nâng cao. Kết thúc học phần người học đạt bậc 5/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

9.32. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Kỹ thuật dạy tiếng Anh 2/ English teaching techniques 2; 3TC(18,27,27)

- *Điều kiện tiên quyết:* Kỹ thuật dạy tiếng Anh 1

- Nội dung học phần: Gồm những kiến thức cơ bản về phương pháp và kỹ thuật dạy học các kỹ năng tiếng Anh, cách phân chia các giai đoạn một tiết học kỹ năng tiếng Anh và tích hợp các kỹ năng trong cùng một bài học; cấu trúc giáo án dạy kỹ năng và cách thức tiến hành giờ dạy kỹ năng tiếng Anh.

- Năng lực đạt được: Sinh viên ứng dụng các kỹ thuật dạy kỹ năng vào thiết kế giáo án và tiến hành dạy các kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết hiệu quả, đồng thời đánh giá được giờ dạy kỹ năng tiếng Anh.

b. Dạy tiếng Anh trẻ em/ Teaching English for Young Learners; TC(18,27,27)

- *Điều kiện tiên quyết:* Lý luận dạy học tiếng Anh

- Nội dung học phần: Gồm những nội dung cơ bản về lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh bậc tiểu học như: tư duy ngôn ngữ, động cơ học tập, kiểu tiếp nhận ngôn ngữ, phương pháp và kỹ thuật dạy tiếng Anh bậc Tiểu học; kiến thức và kỹ năng liên quan đến việc phát triển kỹ năng của trẻ, những yếu tố ảnh hưởng đến khả năng lĩnh hội tiếng Anh của học sinh, thiết kế bài giảng và tiến hành giờ dạy tiếng Anh cho học sinh bậc Tiểu học.

- Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng phương pháp và kỹ thuật dạy tiếng Anh cho học sinh bậc tiểu học, triển khai một số hoạt động dạy học tiếng Anh cho trẻ em và tiến hành tiết dạy.

9.33. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Ngữ âm - Âm vị học/Phonetics and phonology; 2TC (18,24,0)

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về ngữ âm tiếng Anh như hệ thống ký hiệu phiên âm quốc tế, trọng âm, ngữ điệu, cao độ, trường độ, các âm vị và biến thể âm

vị, thành phần và vị trí của âm tiết trong từ; những đặc điểm cơ bản của phụ âm và nguyên âm, nội dung về các yếu tố siêu đoạn tính .vv

- Năng lực đạt được: Sinh viên phân biệt được các âm vị và biến thể âm vị trong tiếng Anh, các thành tố trong phát âm tiếng Anh như cao độ, trường độ, ngữ điệu, trọng âm; vận dụng những hiểu biết cơ bản về các yếu tố siêu đoạn tính, tự hoàn thiện khả năng phát âm của mình, phát triển khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh và tạo tiền đề cho việc nghiên cứu một số vấn đề cụ thể về Ngữ âm – Âm vị học.

b. Luyện phát âm tiếng Anh/ English pronunciation practice; 2TC (18,24,0)

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- Nội dung học phần: Miêu tả và luyện phát âm các nguyên âm và phụ âm tiếng Anh, phân biệt các âm dài, âm ngắn, âm tắc, âm xát, âm nổ vv... nguyên âm đôi, nguyên âm ba, âm trượt, các hiện tượng nuốt âm, đồng hóa âm trong tiếng Anh. Cách phiên âm và đọc phụ âm cuối. Giới thiệu và rèn luyện cách nhận biết và phát âm trọng âm từ: danh từ, động từ, tính từ vv... và ngữ điệu câu. Rèn luyện ngữ điệu tự nhiên của một số âm đơn giản như câu hỏi, câu chào, câu trần thuật vv...

- Năng lực đạt được: Sinh viên có thể nhận biết được và phát âm chính xác các âm tiếng Anh, phiên âm các từ khi nghe âm thanh của từ đó, phân biệt được các hiện tượng như nuốt âm, nối âm vv... trong tiếng Anh.

9.34. Từ vựng – Ngữ nghĩa học/ Lexicology – Semantics; 2 TC (18,24,0)

- *Điều kiện tiên quyết:* Kỹ năng Nghe Nói 1, Kỹ năng Đọc Viết 1

- Nội dung học phần: Một số khái niệm cơ bản về từ vựng học Tiếng Anh; cấu trúc của từ tiếng Anh và các phương thức cấu tạo từ; nghĩa của từ, nghĩa của câu và nghĩa của phát ngôn; một số thủ thuật nghiên cứu khoa học về từ vựng - ngữ nghĩa học.

- Năng lực đạt được: Sinh viên mở rộng vốn từ vựng và kiến thức về từ vựng, ngữ nghĩa trong tiếng Anh để sử dụng trong giao tiếp; nâng cao kỹ năng sử dụng từ tiếng Anh một cách linh hoạt, chính xác hơn trong quá trình học các học phần về Kỹ năng tiếng Anh; hình thành và phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh học thuật trong quá trình học các học phần về Ngôn ngữ - Văn hoá & PPGD TA; tiến hành một nghiên cứu liên quan đến dạy học từ vựng, đến câu và phát ngôn tiếng Anh.

9.35. Biên dịch 1/Translation 1; 2TC (28,24,0)

- *Điều kiện tiên quyết:* Kỹ năng Nghe Nói 2, Kỹ năng Đọc Viết 2

- Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về lý thuyết dịch, các phương pháp và đường hướng dịch thuật, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong biên dịch, các tiêu chí để đánh giá một bản dịch. Bài tập thực hành dịch văn bản Anh - Việt, Việt - Anh về một số chủ đề thông thường như đất nước, con người, dân số, môi trường, giáo dục, v.v...

- Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng được đầy đủ các nội dung và đường hướng dịch hiện đại để dịch câu, đoạn văn tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại về một số chủ đề thông thường như: dân số, môi trường, giáo dục, v.v...

9.36. Biên dịch 2/ Translation 2;2TC (12,36,0)

- *Điều kiện tiên quyết*: Biên dịch 1

- Nội dung học phần: Chiến lược và kỹ thuật xử lý văn bản trong biên dịch như: dịch tiêu đề báo chí, dịch thành ngữ, dịch các khái niệm văn hóa không có tương đương trong ngôn ngữ nguồn, dịch văn bản khoa học, dịch hợp đồng thương mại, dịch quảng cáo... Bài tập thực hành dịch văn bản Anh - Việt, Việt - Anh về các chủ đề đất nước con người, thương mại, y học, v.v...

- Năng lực đạt được: Sinh viên dịch được tiêu đề báo chí, dịch các khái niệm văn hóa không có tương đương, dịch các văn bản về các chủ đề thương mại, y học, v.v...

9.37. Phiên dịch / Interpretation; 3TC (27,36,0)

- *Điều kiện tiên quyết*: Kỹ năng Nghe Nói 3, Kỹ năng Đọc Viết 3

- Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về phiên dịch như: các loại hình phiên dịch, kỹ thuật trong phiên dịch, yêu cầu trong phiên dịch, phẩm chất đạo đức của người làm phiên dịch. Bài tập thực hành phiên dịch trong phòng học tiếng về các loại hình dịch: dịch hội thảo, dịch hội thoại, dịch theo đoàn, v.v . . .

- Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng được các loại hình phiên dịch, kỹ thuật phiên dịch, yêu cầu trong phiên dịch, phẩm chất đạo đức của người làm công tác phiên dịch. Sinh viên có khả năng phiên dịch một số nội dung thông thường như: Hội thoại thông thường, hội thảo, v.v . . .

9.38. Văn học Anh-Mỹ/British and American literature 3TC (27,36,0)

- *Điều kiện tiên quyết*: Kỹ năng Nghe Nói 3, Kỹ năng Đọc Viết 3

- Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về nền Văn học Anh, Văn học Mỹ thế kỷ 19-20 thông qua giới thiệu một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu, cung cấp nguyên tác một số đoạn trích, tác phẩm, v.v . . .

- Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích được một số tác phẩm của nền văn học Anh Mỹ thế kỷ 19 – 20, hiểu được các cấu trúc ngôn ngữ thông qua các bài tập được giáo viên thiết kế, từ đó nâng cao được năng lực ngôn ngữ cho bản thân.

9.39. Văn hoá Anh-Mỹ/ British and American culture; 2 TC (18,24,0)

- *Điều kiện tiên quyết*: Kỹ năng Nghe Nói 2, Kỹ năng Đọc Viết 2

- Nội dung học phần: Khái quát về lịch sử nước Anh và Mỹ; giá trị văn hoá; phong tục, tập quán, các ngày lễ hội chính của nước Anh, nước Mỹ và hệ thống chính trị, giáo dục của các nước Anh và Mỹ. Học phần bao gồm các bài tập ứng dụng kiến thức môn học trong giao tiếp liên ngôn và nghiên cứu trong lĩnh vực văn hóa ngôn ngữ.

- Năng lực đạt được: Sinh viên trình bày được các vấn đề về lịch sử, văn hóa các nước Anh – Mỹ, hệ thống giáo dục, chính trị, thể lệ bầu cử trong các quốc gia này. Sinh viên ứng dụng kiến thức môn học trong giao tiếp bằng tiếng Anh, có thể thực hiện nghiên cứu về văn hóa, xã hội, giáo dục, v.v...

9.40. Chọn 1 trong 3 học phần

a. Ngữ dụng học/Pragmatics; 2 TC (18,24,0)

- *Điều kiện tiên quyết*: Kỹ năng Nghe Nói 1, Kỹ năng Đọc Viết 1

- Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về các phạm trù ngữ dụng học như: mối quan hệ giữa các hình thái ngôn ngữ và người sử dụng chúng, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh, chỉ xuất và khoảng cách, hàm ngôn, tiền giả định, nguyên tắc cộng tác và các phương châm hội thoại, v.v . . .

- Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng được các phạm trù của ngữ dụng học như: tiền giả định, nguyên tắc hợp tác trong hội thoại, vào các phương châm hội thoại của Grice, để phân tích được mối quan hệ giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh, hiểu được nghĩa hàm ngôn, v.v . . . trong sử dụng ngôn ngữ.

b. Ngôn ngữ học tri nhận/ Cognitive linguistics; 2 TC (18,24,0)

- *Điều kiện tiên quyết*: Kỹ năng Nghe Nói 2, Kỹ năng Đọc Viết 2

- Nội dung học phần: Kiến thức nền tảng nhất của ngôn ngữ học tri nhận như sự ra đời, các xu hướng chính, các nguyên lí của ngôn ngữ học tri nhận, ý niệm và ý niệm hóa, phạm trù và phạm trù hóa, ẩn dụ và hoán dụ tri nhận, phạm trù xuyên tâm, kết cấu, vấn đề hình/nền, mối quan hệ giữa ngôn ngữ - tri nhận - văn hóa.

- Năng lực đạt được: Sinh viên hiểu được những xu hướng, nguyên lí của ngôn ngữ học tri nhận một cách đúng đắn và đầy đủ, phân biệt được ý niệm và ý niệm hóa, ẩn

dụ và hoán dụ, mối quan hệ giữa tri nhận và văn hóa. Biết vận dụng hiểu biết từ môn học để vận dụng phân tích các nội dung ngôn ngữ văn bản nói hoặc viết.

c. Phân tích diễn ngôn/ Discourse analysis; 2 TC (18,24,0)

- *Điều kiện tiên quyết*: Từ vựng – Ngữ nghĩa học

- Nội dung học phần: Kiến thức về phân tích ngôn bản trong tiếng Anh, cách thức và các bình diện trong phân tích ngôn bản tiếng Anh như: ngữ cảnh, đồng văn bản, chủ đề và khung chủ đề, v.v. . . .

- Năng lực đạt được: Sinh viên nắm vững các thành phần trong phân tích ngôn bản và vận dụng để phân tích, nghiên cứu ngôn bản. Có khả năng đánh giá ngôn bản. Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu nâng cao trong lĩnh vực ngôn ngữ.

9.41. Chọn 1 trong 5 học phần

a. Giao thoa văn hóa,/Cross culture communication; 2 TC (18,24,0)

- *Điều kiện tiên quyết*: Kỹ năng Nghe Nói 3, Kỹ năng Đọc Viết 3

- Nội dung học phần: Gồm những kiến thức cơ bản về văn hóa, văn hóa ứng xử và văn hóa giao tiếp của một số cộng đồng người nói tiếng Anh trên thế giới. Ngoài ra học phần cũng cung cấp kiến thức về các loại hình giao tiếp, các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp giao văn hóa, xung đột văn hóa, sốc văn hóa, ứng xử trong xung đột văn hóa... nhằm tăng cường năng lực giao tiếp cho người học.

- Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng được kiến thức về loại hình giao tiếp, giao văn hóa vào cải thiện cách ứng xử trong một số tình huống giao tiếp liên văn hóa để tránh hoặc hóa giải được sốc văn hóa trong giao tiếp và nâng cao hiệu quả giao tiếp bằng tiếng Anh.

b. Giao tiếp liên văn hoá/Interculture communication; 2 TC (18,24,0)

- *Điều kiện tiên quyết*: Kỹ năng Nghe Nói 3, Kỹ năng Đọc Viết 3

- Nội dung học phần: Các yếu tố liên quan đến giao tiếp liên văn hoá như: Tuổi tác, khoảng cách xã hội, khoảng cách địa vị, các chiến lược giao tiếp, bình diện lịch sự, v.v. . . .

- Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng các bình diện trong giao tiếp liên văn hóa, để giao tiếp thành công trong các tình huống giao tiếp thông thường, chủ động mở đầu một cuộc trò chuyện liên ngôn ngữ.

c. Tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai/ Second Language Acquisition; 2TC(12,18,18)

- *Điều kiện tiên quyết*: Kỹ năng Nghe Nói 3, Kỹ năng Đọc Viết 3

- Nội dung học phần: Gồm kiến thức cơ bản về cơ chế, đặc điểm của việc tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai như: bản chất của quá trình tiếp thụ ngôn ngữ, so sánh quá trình tiếp thụ ngôn ngữ thứ nhất với ngôn ngữ thứ hai, nghiên cứu quá trình tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai từ góc độ ngôn ngữ học, tâm lý học, xã hội học, các yếu tố tác động đến quá trình tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai, ứng dụng của các đường hướng nghiên cứu quá trình tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai trong dạy và học ngoại ngữ, v.v. . .

- Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng được bản chất của quá trình thụ đắc ngôn ngữ, phân biệt được một số cách tiếp cận khoa học đối với việc thụ đắc ngôn ngữ thứ hai và sự khác biệt giữa học ngôn ngữ thứ hai và tiếng mẹ đẻ để nâng cao hiệu quả việc sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và dạy học ngoại ngữ.

d. Kỹ năng thuyết trình/Presentation skills; 2TC (18,24,0)

- *Điều kiện tiên quyết*: Kỹ năng nghe nói 3, Kỹ năng đọc viết 3

- Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về thuyết trình học thuật trong tiếng Anh: các dạng bài thuyết trình, phương pháp thuyết trình, thủ thuật và kỹ thuật trong thuyết trình, các bước chuẩn bị một bài thuyết trình.

- Năng lực đạt được: Sinh viên chuẩn bị được nội dung căn bản của một bài thuyết trình, thực hành thuyết trình bày tiếng Anh trên lớp, các loại ngôn ngữ lời nói và phi lời nói trong thuyết trình để nâng cao NLNN và với thực hiện các bài thuyết trình một cách hiệu quả.

e. Công nghệ trong dạy học ngoại ngữ/ ICT in Language Teaching; 2TC (18,24,0)

- *Điều kiện tiên quyết*: Lý luận dạy học tiếng Anh

- Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về ứng dụng công nghệ hiện đại trong dạy học tiếng Anh, phát triển kỹ năng thực hành khai thác và ứng dụng công nghệ hiện đại trong dạy học như soạn giáo án điện tử, sử dụng phần mềm trong dạy học, ứng dụng một số phần mềm giáo dục trong thiết kế bài dạy, bài kiểm tra, khai thác thông tin từ mạng internet, ứng dụng các trang mạng xã hội trong dạy học.

- Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng được kiến thức về công nghệ thông tin vào việc khai thác, thiết kế, phát triển tài liệu vào thực hành dạy học hiệu quả hơn.

9.42. Kiến tập sư phạm/ Classroom observation; 2TC

- *Điều kiện tiên quyết*: Lý luận dạy học tiếng Anh

- Nội dung học phần: Kiến thức thực tiễn về cách thức tổ chức các hoạt động dạy học, các hoạt động đoàn đội cho học sinh ở trường phổ thông. Bước đầu làm quen với

các hoạt động dự giờ, thao giảng, đánh giá giờ dạy, xử lý các tình huống sư phạm và làm quen với môi trường làm việc ở trường phổ thông.

- Năng lực đạt được: Sinh viên triển khai được các hoạt động đoàn đội, biết vận dụng những kiến thức về lý luận dạy học tiếng Anh để đánh giá giờ giảng, biết xử lý một số tình huống sư phạm trong dạy học tại trường phổ thông.

9.43. Thực tập tốt nghiệp/Practicum; 5TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Sinh viên tích lũy đạt tối thiểu 100 tín chỉ

- Nội dung học phần: Kiến thức thực tiễn về phương pháp giảng dạy, soạn bài, thực hành giảng dạy dưới sự hướng dẫn của giáo viên phổ thông và tổ chức các hoạt động đoàn hội, các hoạt động nội ngoại khóa.

- Năng lực đạt được: Sinh viên triển khai được các hoạt động: chủ nhiệm lớp, đoàn đội, tổ chức các hoạt động tập thể trong lớp, ngoại khóa. Có kỹ năng soạn bài, dự giờ, nhận xét, đánh giá giờ giảng và thực hành dạy học trên lớp; xử lý một số tình huống sư phạm thường gặp trong dạy học.

9.44. Khoá luận tốt nghiệp/Thesis ; 6TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Theo quy định

- Nội dung học phần: Sinh viên được tự lựa chọn một đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực dạy học tiếng Anh hoặc ngôn ngữ Anh dưới sự tư vấn của giảng viên hướng dẫn và hội đồng xét duyệt đề cương của bộ môn. Sinh viên được sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn sẽ thực hiện nghiên cứu với các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong khoa học xã hội và đạt được một báo cáo khoa học có chất lượng của ngành đào tạo.

- Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện nghiên cứu các vấn đề từ góc độ phương pháp dạy học tiếng Anh và ngôn ngữ Anh.

45. Học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp (Chọn 2 trong 6 học phần):

a. Thiết kế giáo án và phát triển tài liệu dạy học/ Lesson planning and material development 3TC (27,36,0)

- *Điều kiện tiên quyết:* Kỹ năng Nghe – Nói 5, Kỹ năng Đọc - Viết 5

- Nội dung học phần: Những nguyên tắc cơ bản trong việc thiết kế giáo án và phát triển tài liệu dạy học môn tiếng Anh ở trường trung học phổ thông; tham khảo, đánh giá những giáo án mẫu và cách thức chọn lựa tài liệu cho trong một bài học cụ thể, thực hành chọn lựa tài liệu và thiết kế một giáo án cụ thể cho 1 bài học.

- *Năng lực đạt được*: Sinh viên phát triển tài liệu dạy học từ những ngữ liệu cho sẵn, hoặc tìm kiếm ngữ liệu và thiết kế tài liệu dạy học, thiết kế giáo án dựa vào mục tiêu của một bài/khóa học.

b. Ngôn ngữ học đối chiếu/Contrastive analysis; 3TC (27,36,0)

- *Điều kiện tiên quyết*: Kỹ năng Nghe – Nói 5, Kỹ năng Đọc - Viết 5

- Nội dung học phần: Công cụ về mặt lý thuyết để so sánh đối chiếu tiếng mẹ đẻ với một ngoại ngữ nhằm hiểu sâu hơn cả hai ngôn ngữ; cung cấp các thao tác cụ thể được sử dụng trong quá trình so sánh đối chiếu ngôn ngữ.

- *Năng lực đạt được*: Sinh viên so sánh đối chiếu một số phạm trù trong tiếng Anh và tiếng Việt và thực hiện nghiên cứu trên cơ sở nhận biết được những tương đồng và dị biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt.

c. Phong cách học/Stylistics; 3TC (27,36,0)

- *Điều kiện tiên quyết*: Kỹ năng Nghe – Nói 5, Kỹ năng Đọc - Viết 5

- Nội dung học phần: Gồm những kiến thức về phong cách các loại văn bản trong tiếng Anh để hỗ trợ cho các kỹ năng ngôn ngữ khác, đồng thời tạo cơ sở để sinh viên tiếp tục nghiên cứu và học tập nâng cao.

- *Năng lực đạt được*: Sinh viên hiểu được những phong cách, ngôn ngữ khác nhau của những văn bản khác nhau và vận dụng được trong việc đánh giá, phân loại các loại văn bản từ đó nâng cao NLNN.

d. Ngôn ngữ học xã hội/Socio – linguistics; 3TC (27,36,0)

- *Điều kiện tiên quyết*: Kỹ năng Nghe – Nói 5, Kỹ năng Đọc - Viết 5

- Nội dung học phần: Gồm các kiến thức đại cương về các bình diện của ngôn ngữ giao tiếp: Cách thức xưng hô, chào hỏi, các hành động ngữ vi và các bình diện liên quan đến các hành động này, nhằm giúp họ nhận thức được những chuẩn tắc xã hội quy định những hành động ngôn ngữ.

- *Năng lực đạt được*: Sinh viên vận dụng những nguyên tắc giao tiếp xã hội của các hành vi ngôn ngữ như: chào hỏi, chia sẻ thông tin, giới thiệu bản thân, v.v . . . và các tình huống giao tiếp và phân tích tình huống giao tiếp.

e. Tiếng Anh kinh tế/English for economics; 3TC (27,36,0)

- *Điều kiện tiên quyết*: Kỹ năng Nghe – Nói 5, Kỹ năng Đọc - Viết 5

- Nội dung học phần: Những kiến thức cơ bản, cấu trúc và từ vựng tiếng Anh thuộc lĩnh vực kinh tế, thủ thuật xử lý các văn bản tiếng Anh thuộc lĩnh vực kinh tế

như: marketing, hợp đồng kinh tế, các văn bản kinh tế, quảng cáo, báo cáo kinh tế – tài chính, v.v . . .

- Năng lực đạt được: Sinh viên sử dụng thành thạo ngôn ngữ thuộc lĩnh vực kinh tế trong giao tiếp cơ bản và xử lý các văn bản tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực kinh tế.

f. Tiếng Anh du lịch/English for tourism; 3TC (27,36,0)

- *Điều kiện tiên quyết*: Kỹ năng Nghe – Nói 5, Kỹ năng Đọc - Viết 5

- Nội dung học phần: Những kiến thức cơ bản và vốn từ vựng tiếng Anh thuộc lĩnh vực du lịch thủ thuật xử lý các văn bản tiếng Anh thuộc lĩnh vực du lịch như: hợp đồng du lịch, giới thiệu các điểm du lịch, biên phiên dịch phục vụ các đoàn khách du lịch...

- Năng lực đạt được: Sinh viên sử dụng thành thạo ngôn ngữ thuộc lĩnh vực du lịch cơ bản: giới thiệu được danh thắng du lịch, quảng bá các món ăn, đặc sản của địa phương và của quốc gia.

10. Danh sách đơn vị tham gia thực hiện chương trình

STT	Học phần	Bộ môn
1	Những nguyên lý cơ bản của CNML 1	Nguyên lý
2	Những nguyên lý cơ bản của CNML 2	Nguyên lý
3	Đường lối CM của ĐCS VN	Đường lối
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng và PL
5	Pháp luật đại cương	Tư tưởng và PL
6	<i>Chọn 1 trong 2 HP</i>	
a	Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Pháp 1	NNKC
b	Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Trung Quốc 1	NNKC
7	<i>Chọn 1 trong 2 HP</i>	
a	Ngoại ngữ II – 2: Tiếng Pháp 2	NNKC
b	Ngoại ngữ II – 2: Tiếng Trung Quốc 2	NNKC
8	<i>Chọn 1 trong 2 HP</i>	
a	Ngoại ngữ II – 3: Tiếng Pháp 3	NNKC
b	Ngoại ngữ II – 3: Tiếng Trung Quốc 3	NNKC
9	Tin học	Tin học UD
10	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Ngôn ngữ học
11	Môi trường và con người	Địa lý
	Giáo dục thể chất 1	LL&PPGD GDTC
	Giáo dục thể chất 2 (<i>Chọn 1 trong 5 HP</i>)	
a	Bóng chuyên	Điền kinh - TD
b	Thể dục Aerobic	Điền kinh - TD
c	Bóng đá	Bóng
d	Bóng rổ	Bóng
e	Vovinam - Việt võ đạo	Bóng
	Giáo dục quốc phòng	TT GDQP
a	Đường lối quân sự của Đảng	TT GDQP
b	Công tác quốc phòng, an ninh	TT GDQP
c	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiêu liên AK (CKC)	TT GDQP

12	Tâm lý học	TLGD
13	Giáo dục học	TLGD
14	Quản lý HC NN và QLGD	TLGD
15	Lý luận dạy tiếng Anh	NN-VH & PPGD T.Anh
16	Kỹ thuật dạy tiếng Anh 1	NN-VH & PPGD T.Anh
17	Kiểm tra đánh giá trong DH tiếng Anh	NN-VH & PPGD T.Anh
18	Ngữ pháp	NN-VH & PPGD T.Anh
19	PP NC khoa học ngành tiếng Anh	NN-VH & PPGD T.Anh
20	Kỹ năng Nghe Nói 1	PTKN T.Anh
21	Kỹ năng Đọc Viết 1	PTKN T.Anh
22	Kỹ năng Nghe Nói 2	PTKN T.Anh
23	Kỹ năng Đọc Viết 2	PTKN T.Anh
24	Kỹ năng Nghe Nói 3	PTKN T.Anh
25	Kỹ năng Đọc Viết 3	PTKN T.Anh
26	Kỹ năng Nghe Nói 4	PTKN T.Anh
27	Kỹ năng Đọc Viết 4	PTKN T.Anh
28	Kỹ năng Nghe Nói 5	PTKN T.Anh
29	Kỹ năng Đọc Viết 5	PTKN T.Anh
30	Kỹ năng Nghe Nói 6	PTKN T.Anh
31	Kỹ năng Đọc Viết 6	PTKN T.Anh
32	<i>Chọn 1 trong 2 HP</i>	
a	Kỹ thuật dạy tiếng Anh 2	NN-VH & PPGD T.Anh
b	Dạy tiếng Anh cho trẻ em	NN-VH & PPGD T.Anh
33	<i>Chọn 1 trong 2 HP</i>	
a	Ngữ âm - Âm vị học	NN-VH & PPGD T.Anh
b	Luyện phát âm tiếng Anh	NN-VH & PPGD T.Anh
34	Từ vựng – Ngữ nghĩa học	NN-VH & PPGD T.Anh
35	Biên dịch 1	NN-VH & PPGD T.Anh
36	Biên dịch 2	NN-VH & PPGD T.Anh
37	Phiên dịch	NN-VH & PPGD T.Anh
38	Văn học Anh -Mỹ	NN-VH & PPGD T.Anh

39	Văn hoá Anh -Mỹ	NN-VH & PPGD T.Anh
40	<i>Chọn 1 trong 3 HP</i>	
a	Ngữ dụng học	NN-VH & PPGD T.Anh
b	Ngôn ngữ học tri nhận	NN-VH & PPGD T.Anh
c	Phân tích diễn ngôn	NN-VH & PPGD T.Anh
41	<i>Chọn 1 trong 5 HP</i>	
a	Giao thoa văn hoá	NN-VH & PPGD T.Anh
b	Giao tiếp liên văn hoá	NN-VH & PPGD T.Anh
c	Tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai	NN-VH & PPGD T.Anh
d	Kỹ năng thuyết trình	NN-VH & PPGD T.Anh
e	Công nghệ trong dạy học ngoại ngữ	NN-VH & PPGD T.Anh
42	Kiến tập sư phạm	
43	Thực tập tốt nghiệp	
44	Khoá luận tốt nghiệp	
45	Học phần thay thế KLTN (<i>Chọn 2 trong 6 HP</i>)	
a	Thiết kế giáo án và PT tài liệu dạy học	NN-VH & PPGD T.Anh
b	Ngôn ngữ học đối chiếu	NN-VH & PPGD T.Anh
c	Phong cách học	NN-VH & PPGD T.Anh
d	Ngôn ngữ học xã hội	NN-VH & PPGD T.Anh
e	Tiếng Anh kinh tế	NN-VH & PPGD T.Anh
f	Tiếng Anh du lịch	NN-VH & PPGD T.Anh

11. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập

11.1. Hệ thống tư liệu, thư viện, mạng Internet

Yêu cầu trang bị đủ tài liệu dạy học và tham khảo để phục vụ giảng dạy.

Cần có hệ thống Internet ổn định để sinh viên tra cứu tài liệu, phục vụ làm bài tập lớn và luận văn tốt nghiệp.

11.2. Thiết bị chuyên dụng cho dạy và học ngoại ngữ

Sắp xếp sinh viên vào các phòng học đa năng để thực hiện dạy học các học phần kỹ năng.

11.3. Cơ sở thực tập

Nhà trường phối hợp với Sở GD&ĐT, liên kết với các trường THPT trên địa bàn tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiến tập và thực tập sư phạm.

11.4. Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo

STT	Học phần	Tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo		Nhà xuất bản	Năm xuất bản
1	Những nguyên lý cơ bản của CNML 1	Bắt buộc	[1]. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin.</i> [2]. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin.</i>	Chính trị Quốc gia, Hà Nội.	2009
		Tham khảo	[1]. C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập, tập 20; tập 42. [2]. Lênin toàn tập, tập 23; tập 25; tập 26; tập 29; tập 32; tập 41. [3]. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI,	Chính trị Quốc gia, Hà Nội. NXB Tiến bộ Matxcova Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.	2000 1980 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011
2	Những nguyên lý cơ bản của CNML 2	Bắt buộc	[1]. Bộ GD&ĐT, <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin.</i> [2]. Bộ GD&ĐT, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin (dùng cho khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh).</i> [3]. Bộ GD&ĐT, <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học.</i>	Chính trị quốc gia, Hà Nội. ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội.	2009 2008
		Tham khảo	[1]. Bộ GD&ĐT, <i>Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> [2]. ĐH Quốc gia Hà Nội, <i>Một số chuyên đề về Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin.</i> [3]. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII	Lý luận chính trị, Hà Nội. ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội. Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.	2006 2008 2008 1986, 1991, 1996, 2001, 2006, 2011, 2015

3	Đường lối CM của ĐCS VN	Bắt buộc	[1]. BGD&ĐT, <i>Giáo trình Đường lối cách mạng của ĐCSVN</i> [2]. BGD&ĐT, <i>Giáo trình Lịch sử Đảng CSVN.</i>	Chính trị Quốc gia, Hà Nội.	2009 2006
		Tham khảo	[1]. BGD&ĐT, <i>Đường lối cách mạng của ĐCSVN.</i> [2]. Đảng Cộng Sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập.	ĐH Kinh tế quốc dân Chính trị Quốc gia, Hà Nội.	2008 2001
4	Tu tưởng Hồ Chí Minh	Bắt buộc	[1]. Bộ Giáo dục & Đào tạo, <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh.</i>	Chính trị Quốc gia, Hà Nội.	2009
		Tham khảo	[1]. Hội đồng Trung ương biên soạn, “ <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i> ”, [2]. “ <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh</i> ” tài liệu phục vụ dạy và học, (2008), X [3]. “ <i>Một số chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh</i> ” (2008),	Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội; Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội; Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội;	2003 2008 2008
5	Pháp luật đại cương	Bắt buộc	[1]. Lê Minh Toàn (chủ biên), <i>Giáo trình pháp luật đại cương.</i>	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2009
		Tham khảo	[1]. Lê Văn Minh (chủ biên), <i>Pháp luật đại cương.</i> [2]. Nguyễn Minh Động (chủ biên), <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật.</i> [3]. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan (chủ biên), “ <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i> ”,	Nxb Lao động Nxb Tư pháp Nxb Công an nhân dân;	2016 2012 2012
6	Chọn 1 trong 2 HP				

a	Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Pháp	Bắt buộc	[1]. Jacky Girardet ,Jacques Pécheur, <i>Campus I. - Méthode de français</i> . CLE International/ VUEF. [2]. Jacky Girardet ,Jacques Pécheur , <i>Campus I. – Cahier d'exercice</i> .CLE International/ VUEF,	Tours, France. (D1)	2004
		Tham khảo	[1]. Michele Boularès et Jean-Louis Frérot, <i>Grammaire progressive du français avec 400 exercices</i> , [2]. Y. De Latour, D. Jennepin, M.Léon-Dufour, A.Mattlé,B.Tessier, <i>Grammaire - 350 exercices Niveau moyen</i> ,	CLE International, Paris Hachette, Paris	2004 2003
b	Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Trung Quốc	Bắt buộc	[1]. Trần Thị Thanh Liêm, <i>Giáo trình Hán ngữ - Quyển thượng</i>	NXB Văn hóa – thông tin	2002
		Tham khảo	[1]. Trần Thị Thanh Liêm, <i>301 câu đàm thoại tiếng Hoa</i>	NXB Từ điển Bách Khoa	
7	<i>Chọn 1 trong 2 HP</i>				
a	Ngoại ngữ II – 2: Tiếng Pháp	Bắt buộc	[1]. Jacky Girardet ,Jacques Pécheur, <i>Campus I. - Méthode de français</i> . CLE International/ VUEF. [2]. Jacky Girardet ,Jacques Pécheur , <i>Campus I. – Cahier d'exercice</i> .CLE International/ VUEF,	Tours, France. (D1)	2004
		Tham khảo	[1]. Michele Boularès et Jean-Louis Frérot, <i>Grammaire progressive du français avec 400 exercices</i> , [2]. Y. De Latour, D. Jennepin, M.Léon-Dufour, A.Mattlé,B.Tessier, <i>Grammaire - 350 exercices Niveau moyen</i> ,	CLE International, Paris Hachette, Paris	2004 2003
b	Ngoại ngữ II – 2: Tiếng	Bắt buộc	[1]. Trần Thị Thanh Liêm, <i>Giáo trình Hán ngữ - Quyển</i>	NXB Văn hóa – thông tin	2002

	Trung Quốc		<i>thượng</i>		
		<i>Tham khảo</i>	[1]. Trần Thị Thanh Liêm, <i>301 câu đàm thoại tiếng Hoa</i>	NXB Từ điển Bách Khoa	
8	<i>Chọn 1 trong 2 HP</i>				
a	Ngoại ngữ II – 3: Tiếng Pháp	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Jacky Girardet ,Jacques Pécheur, <i>Campus II - Méthode de français</i> . CLE International/ [2]. Jacky Girardet ,Jacques Pécheur , <i>Campus II – Cahier d'exercice</i> . CLE International	VUEF, Tours, France. (D1) VUEF, Tours, France. (D2)	2004 2004
		<i>Tham khảo</i>	[1]. Michele Boularès et Jean-Louis Frérot, <i>Grammaire progressive du français avec 400 exercices</i> , [2]. Y. De Latour, D. Jennepin, M.Léon-Dufour, A.Mattlé,B.Tessier, <i>Grammaire - 350 exercices Niveau intermédiaire</i>	CLE International, Paris, Hachette, Paris	2004 2003
b	Ngoại ngữ II – 3: Tiếng Trung Quốc	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Trần Thị Thanh Liêm, <i>Giáo trình Hán ngữ - Quyển hạ</i>	NXB Văn hóa – thông tin	2002
		<i>Tham khảo</i>	[1]. Trần Thị Thanh Liêm, <i>301 câu đàm thoại tiếng Hoa</i>	NXB Từ điển Bách Khoa	
9	Tin học	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang, 2015, <i>Giáo trình tin học cơ sở</i> ,	NXB Thông tin và Truyền thông.	2015
		<i>Tham khảo</i>	[1]. Hàn Viết Thuận, <i>Giáo trình Tin học đại cương</i> ,	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.	2012
			[2]. Dương Minh Quý <i>Microsoft Office 2007</i> , [3]. Microsoft, <i>Step by Step Microsoft Office 2007</i> ,	NXB Hồng Đức. NXB Microsoft Press.	2013 2012
10	Cơ sở văn hoá Việt Nam	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Trần Ngọc Thêm, <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam</i>	NXB Giáo dục	1999
			[2]. Trần Quốc Vương, <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam</i>	NXB Giáo dục	2002
		<i>Tham khảo</i>	[1]. Phan Ngọc, <i>Bản sắc văn hoá Việt Nam</i>	NXB Văn hóa thông tin	2000

11	Môi trường và con người	Bắt buộc	[1].Mai Đình Yên, <i>Môi trường và con người</i> [2].Luu Đức Hải, <i>Cơ sở khoa học môi trường.</i> [3]. Luật An toàn, vệ sinh lao động Số 84/2015/QH13	Giáo dục ĐH quốc gia Hà Nội	2005 2006
		Tham khảo	[1]. Lê Thạc Cán, <i>Cơ sở khoa học về môi trường 1995.</i> [2]. Lê Văn Trường, Nguyễn Kim Tiến (đồng chủ biên) <i>Giáo dục môi trường.</i> [3]. Trần Quốc Huy, Mai Duy Lục (Tập bài giảng). <i>Môi trường và con người</i> (154 trang).,	Đại học quốc gia Hà Nội NXB Giáo dục. Hà Nội Tài liệu lưu hành nội bộ Trường Đại học Hồng Đức	1995 2006 2011
	Giáo dục thể chất 1	Bắt buộc	[1]. Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ, <i>Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học.</i> [2]. Nguyễn Xuân Sinh <i>Thể dục,</i> [3]. Nguyễn Đại Dương , <i>Giáo trình Điền Kinh</i> [4]. Nguyễn Việt Minh, Hồ Đắc Sơn, <i>Giáo trình Bóng chuyền</i> [5]. Đinh Khánh Thu, <i>Giáo trình Thể dục Aerobic</i> [6]. PGS.TS.Trần Đức Dũng, <i>Giáo trình Bóng Đá</i> [7]. Nguyễn Văn Trung; Nguyễn Quốc Quân; Phạm Văn Thảo, <i>Giáo trình bóng rổ</i> [8]. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu và các cộng sự, “ <i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i> ” tập 1	Nxb TĐTT, Hà Nội Nxb TĐTT, Hà Nội. Nxb TĐTT. Nxb ĐHSPT, Hà Nội. Nxb TĐTT Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội NXB TĐTT, Hà Nội. NXB TĐTT.	2000 2009 2006 2007 2014 2007 2002 2008

		<i>Tham khảo</i>	[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Chạy cự ly ngắn</i> , [2]. Trường Đại học TDTT TWI, <i>Giáo trình Điền kinh</i> . [3]. Ủy ban TDTT, <i>Luật Điền Kinh</i> .	Nxb Giáo dục. Nxb TDTT Nxb TDTT	1998 2000 2003
	Giáo dục thể chất 2 (<i>Chọn 1 trong 5 học phần</i>)				
a	Bóng chuyền	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Nguyễn Việt Minh, Hồ Đắc Sơn, <i>Giáo trình Bóng chuyền</i> . [2]. Đinh Văn Lãm, Phạm Thế Vượng, Đàm Chính Thống, <i>Giáo trình Bóng chuyền</i> . [3]. Ủy ban TDTT, <i>Luật bóng chuyền</i> .	Nxb ĐHSP, Hà Nội Nxb TDTT, Hà Nội Nxb TDTT, Hà Nội	2007 2006 2003
		<i>Tham khảo</i>	[1]. Nguyễn Quang, <i>Hướng dẫn tập luyện và thi đấu bóng chuyền</i> . [2]. Ủy ban TDTT, <i>Bóng chuyền bóng rổ</i> .	Nxb TDTT, Hà Nội Nxb TDTT Hà Nội	2001 1998
b	Thể dục Aerobic	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Đinh Khánh Thu, <i>Giáo trình Thể dục Aerobic</i> [2]. Liên đoàn Thể dục quốc tế, <i>Thể dục Aerobic chu kỳ 2013-2016</i> .	Nxb TDTT	2014 2013
		<i>Tham khảo</i>	[1]. Nguyễn Xuân Sinh, <i>Thể dục</i> .	Nxb TDTT	2009
c	Bóng đá	<i>Bắt buộc</i>	[1]. PGS.TS. Trần Đức Dũng, <i>Giáo trình Bóng Đá</i> [2]. Ủy ban TDTT, <i>Luật Bóng đá 11 người, 7 người, 5 người</i> . [3]. TS. Phạm Quang, <i>Giáo trình Bóng đá</i> ,	Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội Nxb ĐHSP, Hà Nội	2007 2004

		<i>Tham khảo</i>	[1]. TS. Phạm Quang, Nguyễn Thiết Tinh và cộng sự, <i>Huấn luyện Bóng đá trình độ A; B; C</i> . [2]. Đĩa VCD) MILO, <i>Một số bài tập Bóng đá</i> (Thư viện ĐH Hồng Đức).	Nxb TĐTT, Hà Nội.	2000 2004
d	Bóng rổ	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Nguyễn Văn Trung; Nguyễn Quốc Quân; Phạm Văn Thảo, <i>Giáo trình bóng rổ</i> ,. [2]. Nguyễn Tùng, <i>Giáo trình bóng rổ dành cho sinh viên Cao đẳng TĐTT</i> .	NXB TĐTT, Hà Nội	2002 2003
		<i>Tham khảo</i>	[1]. Ủy ban thể dục thể thao, <i>Luật bóng rổ</i> .		2015
e	Vovinam - Việt võ đạo	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu và các cộng sự, “ <i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i> ” tập 1. [2]. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu và các cộng sự, “ <i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i> ” tập 2,.	NXB TĐTT NXB TĐTT	2008 2011
		<i>Tham khảo</i>	[1]. Nguyễn Chánh Tú, <i>Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i> [2]. Võ sư Trương Quang An, “ <i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt Võ đạo</i> (song ngữ),	NXB KIEV	2014 1998
	Giáo dục quốc phòng				
a	Đường lối quân sự của Đảng				
b	Đường lối quân sự của Đảng				

c	Công tác quốc phòng, an ninh				
12	Tâm lý học	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Nguyễn Xuân Thức (chủ biên), <i>Giáo trình Tâm lý học đại cương</i> , [2]. Lê Văn Hồng, <i>Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm</i>	ĐHSP Hà Nội Giáo dục	2006 1997
		<i>Tham khảo</i>	[1]. Trần Trọng Thủy, <i>Bài tập thực hành tâm lý học</i> [2]. Nguyễn Kế Hào (chủ biên), <i>Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm</i> [3]. Ngô Công Hoàn – Hoàng Anh, <i>Giao tiếp sư phạm</i> ,	Giáo dục Đại học SP HN NXB Giáo dục	1990 2005 1998
13	Giáo dục học	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên). <i>Giáo trình Giáo dục học. Tập 1,2</i> [2]. Nguyễn Sinh Huy- Nguyễn Văn Lê. <i>Giáo dục học đại cương. Tập 1,2</i> [3]. Trần Bá Hoành. <i>Đánh giá trong giáo dục..</i> [4]. Phạm Viết Vượng. <i>Bài tập Giáo dục học.</i>	ĐHSP Hà Nội Giáo dục NXBGD ĐH quốc gia Hà Nội	2006 1997 1997 2008
		<i>Tham khảo</i>	[1]. Phạm Viết Vượng. <i>Bài tập Giáo dục học.</i> [2]. Đỗ Thế Hưng. <i>Tình huống dạy học môn GDH</i> [3]. <i>Luật giáo dục năm 2005</i>	ĐH quốc gia Hà Nội ĐHSP Hà Nội	2008 2007 2005

18	Quản lý HC NN và QLGD	Bắt buộc	[1]. Phạm Việt Vương. <i>Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo</i> . [2]. Luật cán bộ, công chức, số 22/2008 [3]. Luật giáo dục 2010 [4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học</i> . [5]. Quyết định Thủ tướng: <i>Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020..</i>	ĐHSP Hà Nội Quốc hội Số 12/2011/TT. Số 711/QĐ-TTG	2006 2008 2010 2011 13/6/2012
		Tham khảo	[1]. Nghị quyết hội nghị lần thứ 2 BCH TƯ Đảng CSVN khóa VIII. [2]. Pháp lệnh cán bộ, công chức. ngày [3]. Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010 ban hành theo quyết định số 201/2001/QĐ-TTG ngày 25/12/2001 của TTCP.	Số 01/1998/PL-UBTVQH 10 Số 711/QĐ- TTG	26/2/1998
15	Lý luận dạy tiếng Anh	Bắt buộc	[1]. Lê Văn Canh <i>Introducing English Language Teaching Methodology</i> [2]. Jeremy Harmer, <i>The Practice of English language teaching</i>	NXB Đại học quốc gia Hà Nội. Longman	2004 2002
		Tham khảo	[1]. Diane Larsen-Freeman, Marti Anderson, <i>Teaching Techniques in English as a Second Language</i>	Oxford University Press	2013
16	Kỹ thuật dạy tiếng Anh 1	Bắt buộc	[1]. Jeremy Harmer, <i>The Practice of English language teaching</i> [2]. <i>Teaching Grammar and Vocabulary: A Methodology Course for English Language Teachers</i>	Longman BGD &ĐT	2002 1998

		Tham khảo	[1]. BGD&ĐT, <i>Phân phối chương trình Tiếng Anh: Trung học phổ thông (Thực hiện từ năm 2000)</i> [2]. BGD&ĐT, <i>Tiếng Anh 10, 11, 12</i>	Vụ Trung học Phổ thông NXb Giáo dục	2000 2003
17	Kiểm tra đánh giá trong DH tiếng Anh	Bắt buộc	[1]. Hughes, A. <i>Testing for language teachers.</i> [2]. British Council <i>Teaching the Skills.</i>	Cambridge University Press Tài liệu dùng cho tập huấn giáo viên TA - Sử dụng nội bộ.	2003 2003
		Tham khảo	[1]. British Council <i>English Language Teaching Methodology (Edited Material for Language Teaching).</i> [2]. <i>Edited Material for Language Teaching.</i>	Tài liệu dùng cho tập huấn giáo viên TA - Sử dụng nội bộ. Tài liệu sưu tầm và chọn lọc - Sử dụng nội bộ.	2003
18	Ngữ pháp	Bắt buộc	[1]. Lectures on Grammar [2]. Thompson, A., Martinetz, A. <i>A Practical English Grammar</i>	Hồng Đức University Oxford University Press	2017 1986
		Tham khảo	[1]. L.G Alexander, <i>Longman English Grammar Practice</i> [2]. A University Grammar of English	Longman Limited Longman; Abridged edition	1990 1990
19	PP NC khoa học ngành tiếng Anh	Bắt buộc	[1]. Nguyen Thi Thuy Minh, <i>Research methodology</i>	ĐH quốc gia Hà Nội	2005
		Tham khảo	[1]. Numan, <i>Research methods in language learning</i>	Cambridge	1992
20	Kỹ năng Nghe Nói 1	Bắt buộc	[1]. Leo Jones. <i>Let's talk 1.</i> [2]. Jack C.Richards. <i>Basic tactics for listening.</i>	Cambridge University Press Oxford University Press	2003 2002

		<i>Tham khảo</i>	[1]. <i>Cambridge Key English Test 5</i> [2]. <i>Cambridge Key English Test 6</i> [3]. <i>Cambridge Key English Test 7</i>	Cambridge University Press	2014
21	Kỹ năng Đọc Viết 1	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Neil J. Anderson. <i>Active Reading-Book 2</i> [2]. Scott Allan Wallick. <i>Effective Academic Writing 1</i>	Cambridge University Press Oxford University Press	2001 2008
		<i>Tham khảo</i>	[1]. <i>Cambridge Preliminary English Test 2</i> [2]. <i>Cambridge Preliminary English Test 3</i> [3]. <i>Cambridge Preliminary English Test 4</i>	Cambridge University Press	1998
22	Kỹ năng Nghe Nói 2	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Leo Jones. <i>Let's talk 2.</i> [2]. Jack C.Richards. <i>Developing tactics for listening.</i>	Cambridge University Press Oxford University Press	2003 2002
		<i>Tham khảo</i>	[1]. <i>Cambridge Preliminary English Test 5</i> [2]. <i>Cambridge Preliminary English Test 6</i> [3]. <i>Cambridge Preliminary English Test 7</i>	Cambridge University Press	2014
23	Kỹ năng Đọc Viết 2	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Patricia Ackert, Anne L.Nebel. <i>Insights and Ideas. New Edition</i> [2]. Scott Allan Wallick. <i>Effective Academic Writing 2</i>	Nhà xuất bản Thời đại Oxford University Press	2011 2008
		<i>Tham khảo</i>	[1]. <i>Cambridge Preliminary English Test 5</i> [2]. <i>Cambridge Preliminary English Test 6</i> [3]. <i>Cambridge Preliminary English Test 7</i>	Cambridge University Press	1998

24	Kỹ năng Nghe Nói 3	Bắt buộc	[1]. Leo Jones. <i>Let's talk 2</i> . [2]. Jack C.Richards. <i>Developing tactics for listening</i> .	Cambridge University Press Oxford University Press	2003 2002
		Tham khảo	[1]. <i>Cambridge First Certificate in English 1</i> [2]. <i>Cambridge First Certificate in English 2</i> [3]. <i>Cambridge First Certificate in English 3</i>	Cambridge University Press.	2015
25	Kỹ năng Đọc Viết 3	Bắt buộc	[1]. Neil J. Anderson. <i>Active Reading-Book 3</i> [2]. Scott Allan Wallick. <i>Effective Academic Writing 3</i>	Cambridge University Press Oxford University Press	2001 2008
		Tham khảo	[1]. <i>Cambridge First Certificate in English 1</i> [2]. <i>Cambridge First Certificate in English 2</i> [3]. <i>Cambridge First Certificate in English 3</i>	Cambridge University Press.	2015
26	Kỹ năng Nghe Nói 4	Bắt buộc	[1]. Miles Craven. <i>Real Listening and Speaking 3</i> [2]. Guy Brook Hart & Vanessa Jakeman. <i>Complete IELTS B2</i>	Cambridge University Press. Cambridge University Press.	2008 2012
		Tham khảo	[1]. <i>Cambridge First Certificate in English 4</i> [2]. <i>Cambridge First Certificate in English 5</i> [3]. <i>Cambridge IELTS Practice Test 8</i>	Cambridge University Press. Cambridge University Press.	2015 2011
27	Kỹ năng Đọc Viết 4	Bắt buộc	[1]. Elain Boyd & Mary Stephen. <i>Activate B2</i> [2]. Guy Brook Hart & Vanessa Jakeman. <i>Complete IELTS B2</i>	Pearson Longman Cambridge University Press.	2008 2012
		Tham khảo	[1]. <i>Cambridge First Certificate in English 4</i> [2]. <i>Cambridge First Certificate in English 5</i> [3]. <i>Cambridge IELTS Practice Test 8</i>	Cambridge University Press	1998

28	Kỹ năng Nghe Nói 5	Bắt buộc	[1]. Miles Craven. <i>Real Listening and Speaking 4</i> [2]. Guy Brook Hart & Vanessa Jakeman. <i>Complete IELTS C1</i>	Cambridge University Press. Cambridge University Press.	2008 2012
		Tham khảo	[1]. <i>Cambridge IELTS Practice Test 9</i> [2]. <i>Cambridge IELTS Practice Test 10</i> [3]. <i>Cambridge Certificate in Advanced English 5</i>	Cambridge University Press. Cambridge University Press.	2011 2008
29	Kỹ năng Đọc Viết 5	Bắt buộc	[1]. Karen Blanchard, Christine Root. <i>For Your Information 3: High-Intermediate Reading Skills</i> . [2]. Richard Brown & Lewis Rechards. <i>IELT Writing Advantage</i>	Addison-Wesley Publishing Company. Delta Publishing	1996 2012
		Tham khảo	[1]. <i>Cambridge First Certificate in English 9</i> [2]. <i>Cambridge First Certificate in English 10</i> [3]. <i>Cambridge IELTS Practice Test 5</i>	Cambridge University Press	1998
30	Kỹ năng Nghe Nói 6	Bắt buộc	[1]. Sally Burgess & Amanda Thomas. <i>Gold Advanced Course</i> [2]. Jane Short. <i>Improve your IELTS Speaking Skills 6.0-7.5</i>	Pearson Longman McMillan Publisher	2014 2014
		Tham khảo	[1]. <i>Cambridge IELTS Practice Test 11</i> [2]. <i>Cambridge IELTS Practice Test 12</i> [3]. <i>Cambridge Certificate in Advanced English 6</i>	Cambridge University Press Cambridge University Press	2011 2008
31	Kỹ năng Đọc Viết 6	Bắt buộc	[1]. Sally Burgess & Amanda Thomas. <i>Gold Advanced Course</i> [2]. Sam Mc Carter & Norman Whitby. <i>Improve your IELTS Reading Skills</i>	Pearson Longman McMillan Publisher	2014 2007

		<i>Tham khảo</i>	[1].Cambridge <i>First Certificate in English 11</i> [2].Cambridge <i>First Certificate in English 12</i> [3].Cambridge <i>IELTS Practice Test 5</i>	Cambridge University Press	1998
32	<i>Chọn 1 trong 2 HP</i>				
a	Kỹ thuật dạy tiếng Anh 2	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Jeremy Harmer, <i>The Practice of English language teaching</i> [2]. <i>Teaching the skills: A Methodology Course for English Language Teachers</i>	Longman BGD&ĐT	2002 1998
		<i>Tham khảo</i>	[1]. BGD&ĐT, <i>Phân phối chương trình Tiếng Anh: Trung học phổ thông (Thực hiện từ năm 2000)</i>	Vụ Trung học Phổ thông	2000
b	Dạy tiếng Anh cho trẻ em	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Dennis E. Murray. <i>What English teachers need to know.</i> [2]. Dziombak, E. <i>Teaching English to young learners.</i>	NXB Routledge. HCM City Department of Education and Training.	2010 2011
		<i>Tham khảo</i>	[1]. Thomas Armstrong. <i>Multiple intelligences in the classroom.</i> [2]. Slattery, M. & Jane Willis. <i>English for primary teachers: a handbook of activities and classroom language.</i> [3]. Gass, S.M. <i>The Routledge handbook of second language acquisition.</i>	NXB Association for Supervision & Curriculum Deve. NXB Routledge.	2009 2001 2011
33	<i>Chọn 1 trong 2 HP</i>				
a	Ngữ âm- âm vị học	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Peter Roach <i>English Phonetics and Phonology.</i> [2]. Mark handcock <i>English Pronunciation in Use.</i>	Cambridge: CUP Cambridge: CUP	2009 2003
		<i>Tham khảo</i>	[1]. Jenkins, J <i>Phonology of English as an Internationa Language.</i>	Oxford: OUP	2000

			[2]. Lecumberri, M. L. G., J.A. Maidment. <i>English Transcription Course</i> . [3]. Ladefoge, P. <i>A Course in Phonetics</i> .	Routledge. Thomson Learning Inc., Boston.	1999 2001
b	Luyện phát âm tiếng Anh	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Handcock, M. <i>English Pronunciation in Use</i> . [2]. Yates, J. <i>Pronounce It Perfectly In English</i> .	Cambridge. Barron	2012 2005
		<i>Tham khảo</i>	[1]. Cameron, S. <i>Perfecting Your English Pronunciation</i> . [2]. Celce-Murcia, M. <i>Teaching Pronunciation</i> . [3]. Baker, A. <i>Ship or Sheep?</i> .	McGraw-Hill. Cambridge Cambridge: Cambridge University Press.	2011 2010 2006
34	Từ vựng – Ngữ nghĩa học	<i>Bắt buộc</i>	1. Hoàng Tất Trường,. <i>Từ vựng học cơ bản tiếng Anh</i> . 2. Nguyễn Hoà,. <i>Understanding English Semantics</i> .	NXB ĐHNN – ĐHQG: HN NXB ĐHQG Ha Noi: HN	1993 2004
		<i>Tham khảo</i>	1. Võ Đại Quang,. <i>Lectures on Semantics</i> . 2. Stuart Redman,. <i>English vocabulary in use</i> .	NXB ĐHQG Ha Noi: HN Cambridge University Press: Cambridge (NXB Trẻ. HN)	2003 1998
35	Biên dịch 1	<i>Bắt buộc</i>	[1].Theory of Translation,. <i>Tập tài liệu sử dụng nội bộ</i> [2]. Nguyen Viet Ky.. <i>Translation Practice</i> .	.(Ký hiệu HLBB 1) Đại Học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội. (Ký hiệu HLBB2)	2016 2002
		<i>Tham khảo</i>	[1]. Minh Thu, Nguyễn Hòa.. <i>Luyện dịch báo chí Anh – Việt</i> . [2]. Hữu Ngọc.. <i>Sổ tay người dịch tiếng Anh</i> .	NXB Thời đại / Từ điển Bách khoa. NXB Thế giới.	2002 2011
36	Biên dịch 2	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Nguyễn Việt Kỳ. <i>Translation Practice (second year)</i> .	Vietnam national university, Hanoi,	2002
		<i>Tham khảo</i>	[1]. Newmark, P. A <i>Textbook of Translation</i> . [2]. Newmark, P. <i>Approaches to Translation</i> .	PrenticeHall International Prentice Hall International	1984 1989

			[3]. Duff, A. <i>Translation.</i>	Oxford University Press	1991
37	Phiên dịch	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Tập bài giảng [2]. Nguyễn Quốc Hùng. <i>Hướng dẫn kỹ thuật phiên dịch Anh – Việt, Việt – Anh.</i>	ĐH Hồng Đức Nhà xuất bản văn hóa Sài Gòn,	2017 2007
		<i>Tham khảo</i>	[1]. Bùi Tiên Bảo & Đặng Xuân Thu. <i>Lý thuyết dịch (Interpreting and interpretation Coursebook.</i> [2]. Gile, D. <i>Basic concepts and models for interpreter and translator training</i>	Xưởng in Trường Đại học Hà Nội John Benjamins Publishing Company, Amsterdam/Philadelphia	1999. 1995
38	Văn học Anh -Mỹ	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Nguyen Xuan Thom.. <i>A History of English and American Literature..</i> [2]. Vu Thi Loan. <i>English and American Literature.</i>	The Gioi Publishers Tai lieu luu hanh noi bo.	1997 2011
		<i>Tham khảo</i>	[1]. Nguyễn Kim Loan. <i>History of English Literature.</i> [2]. Nguyễn Kim Loan. <i>English Literature.</i> [3]. Griffith.B.W. <i>English Literature.</i>	NXB Giáo dục NXB Giáo dục Barron's	1998 1998 1991
39	Văn hoá Anh -Mỹ	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Hoang Thi Xuan Hoa, et al. <i>American studies.</i> [2]. James O'driscoll. [3]. Garwood, C., Gardani, G., & Peris, E. <i>Aspects of Britain and the USA.</i>	ĐHNN – ĐHQG Hà Nội <i>Britain.</i> Oxford University Press Oxford University Press.	2005. 1995 1992
		<i>Tham khảo</i>	[1]. Fielder, E., Jansen, R., & Norman-Risch, M. <i>American in close-up.</i> [2]. Falk, R. <i>Spotlight on the USA</i> [3]. Abraham, P., & Mackey, D. <i>Contact USA.</i>	Longman Ltd. Oxford University Press. Prentice Hall Regents.	1990 1993 1989
40	<i>Chọn 1 trong 3 HP</i>				
a	Ngữ dụng học	<i>Bắt buộc</i>	[1]. George Yule, <i>Pragmatics.</i>	London: OUP	2003

			[2]. Jacob L.Mey, <i>Pragmatics: An Introduction</i>	Blackwell	2001
		<i>Tham khảo</i>	[1]. Grice, H.P, <i>Studies in the way of words,</i>	Harvard Uni. Press, USA.	1989
b	Ngôn ngữ học tri nhận	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Lee, D. <i>Cognitive Linguistics-An Introduction.</i>	OUP	2001
		<i>Tham khảo</i>	[1]. Lý Toàn Thắng. <i>Ngôn ngữ học tri nhận: từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt.</i>	Nxb KHXH	2005
			[2]. Trần Văn Cơ. <i>Ngôn ngữ học tri nhận (Ghi chép và suy nghĩ).</i> [3]. Lyons, J. <i>Linguistic Semantics: An introduction</i>	Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội. OUP	2007 1995
c	Phân tích diễn ngôn	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Nguyễn Hoà . <i>Introduction to Discourse Analysis.</i>	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	2000
			[2]. Hoàng Văn Vân. <i>Introducing Discourse Analysis</i>	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	2005
		<i>Tham khảo</i>	[1]. Nunan, D. <i>Introducing Discourse Analysis.</i> [2]. Jaworski, A & Coupland, N. <i>The Discourse Reader.</i>	London: Penguin. London and New York: Routledge.	1992 1999
41	<i>Chọn 1 trong 5 HP</i>				
a	Giao thoa văn hoá	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Nguyen Quang. <i>Intercultural Communication.</i> [2]. Kramsch. <i>Language and culture.</i>	NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội NXB Thống Kê	2001 2002
		<i>Tham khảo</i>	[1]. Richard Ferraro, F. <i>Minority and Cross-Cultural Aspects of Neuropsychological Assessment.</i> [2]. Althen, Gary (Phạm Thị Thiên Tú b.d.) <i>Phong cách Mỹ: Cẩm nang dành cho doanh nhân, du học sinh, khách du lịch (Biên dịch từ</i>	Taylor and Francis Publisher Nxb. Văn nghệ, Tp. Hồ Chí Minh	2002 2006

			<p><i>cuốn American Ways: A guide for foreigners in the United States)</i></p> <p>[3]. Potvin, Claude & Stedman, Nicholas. <i>Do's & Don'ts in Vietnam</i></p>	Amarin Printing & Publishing Public Company Limited, Thailand	2005
b	Giao tiếp liên văn hoá	<i>Bắt buộc</i>	<p>[1]. Halliday. <i>Inter-cultural communication - An advanced resource book.</i></p> <p>[2]. Varner, Iris & Beamer, Linda. <i>Intercultural Communication in the Global Workplace</i>, 3 rd Ed.</p>	Cambridge University Press McGraw-Hill/Irwin, New York	2010 2005
		<i>Tham khảo</i>	<p>[1]. Thomas, David C. & Inkson, Kerr. <i>Cultural Intelligence</i></p> <p>[2]. Axtell, Roger E. (Y Nhã LST biên dịch). <i>Cử chỉ: Những điều nên làm và nên tránh trong ngôn ngữ cử chỉ khắp thế giới</i> (Biên dịch từ cuốn <i>Gestures: The Do's and Taboos of Body Language Around the World</i>) Tái bản lần 2</p>	Berrett-Koehler Publishers, San Francisco Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh	2004 2003
c	Tiếp thu ngôn ngữ thứ hai	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Murial Saville-Troike. <i>Introducing Second Language Acquisition.</i>	Cambridge University Press.	2006
		<i>Tham khảo</i>	<p>[1]. Ellis, R. <i>Second Language Acquisition</i></p> <p>[2]. Lightbown, Patsy M. & Spada, Nina. <i>How Languages are Learned</i> (Second Edition).</p>	Oxford University Press Oxford: Oxford University Press.	1997 1999
			<p>[3]. Kees de Bot, Wander Lowie and Marjolijn Verspoor. <i>Second Language Acquisition: An advanced resource book.</i></p>	Routledge	2005
d	Kỹ năng thuyết trình	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Rod Ellis. <i>Giving presentations.</i>	NXB Longman	1999

			[2]. Susan M.Reinhart. <i>Giving Academic Presentations.</i>	The university of Michigan Press.	2002
		<i>Tham khảo</i>	[1]. Mark Powell. <i>Presenting in English.</i> [2]. Johanna Rendle-Short. <i>The academic presentation: situated talk in action.</i>	Cambridge University Press Oxford: Oxford University Press	2003 2004
e	Công nghệ trong dạy học ngoại ngữ	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Barr, D. <i>ICT – Integrating Computers in Teaching.</i> Peter Lang. [2]. Felix U. Beyond Babe;: <i>Language Learning Online.</i> Melbourne: Language Australia.	CUP CAE Press	2004 2001
		<i>Tham khảo</i>	[1]. Levy, M. <i>CALL: Context and Concetualisation.</i> [2]. Harmer, J. <i>The practice of English Language Teaching, 3rd ed.</i>	Oxford: Oxford University Press Longman, Harlow.	1997 2001
42	Kiến tập sư phạm				
43	Thực tập tốt nghiệp				
44	Khoá luận tốt nghiệp				
45	Học phân thay thế KLTN (Chọn 2 trong 6 HP)				
a	Thiết kế giáo án và PT tài liệu dạy học	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Material development [2]. Mishan, F. <i>Designing Authenticity into Language Learning Materials.</i>	Tài liệu lưu hành nội bộ Bristol: Intellect Ltd	2005
		<i>Tham khảo</i>	[1]. Serdyukov, P. and Ryan, M. <i>Writing Effective Lesson Plans: The 5-Star Approach.</i> [2]. Baker, J; Westrup, H. <i>The English Language Teacher's Handbook.</i>	Boston: Allyn & Bacon. Continuum.	2008 2000
b	Ngôn ngữ học đối	<i>Bắt buộc</i>	[1]. James, C. <i>Contrastive Analysis.</i>	London: Longman.	1980

	chiều		[2]. Lado, R. <i>Linguistics across Cultures</i>	Ann Arbor: University of Michigan Press.	1957
		<i>Tham khảo</i>	[1]. Fisiak, J. (ed.). <i>Contrastive Analysis and the Language Teacher</i> . [2]. Hellinger, M. & U. Ammon. <i>Contrastive Sociolinguistics</i> .	Oxford: The Pergamon Institute of English. Berlin: Mouton de Gruyter.	1981 1996
c	Phong cách học	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Simpson, P. <i>Stylistics : A resource book for students</i> .		2004
		<i>Tham khảo</i>	[1]. Richard, B. <i>Stylistics</i> [2]. Lesley, J. Daniel, M. <i>Stylistics</i> . [3]. Nikolas, C . <i>Style: Language Variation and Identity</i> .	London and New York: Routledge Cambridge University Press Cambridge University Press	1997 2010 2007
d	Ngôn ngữ học xã hội	<i>Bắt buộc</i>	[1]. Deckert, Sharon K. and Caroline H. Vikers. <i>An Introduction to Sociolinguistics: Society and Identity</i> [2]. Wardhaugh, Ronald. <i>An Introduction to Sociolinguistics</i> .	New York: Wiley-Blackwell	2011 2006
		<i>Tham khảo</i>	[1]. Meyerhoff, Miriam. <i>Introducing Sociolinguistics</i> . [2]. Trudgill, Peter. <i>Sociolinguistics: An Introduction to Language and Society</i> .	Taylor & Francis Penguin	2011 2000
e	Tiếng Anh kinh tế	<i>Bắt buộc</i>	[1]. C.J.Moore et al <i>Enterprise One</i> . [2]. Thom, Nguyễn Xuân <i>English for economics</i> .	Nhà xuất bản Hải Phòng ĐH Ngoại ngữ - ĐHQGHN	2004 2008
		<i>Tham khảo</i>	[1]. David Cotton, David Falvey, Simon Kent; <i>Market Leader – intermediate</i> [2]. Aaditya Mattoo, Robert M.Stern, Gianni Zanini; <i>Handbook of International Trade in Service</i>	Pearson Longman Oxford University Press	2010 2008
f	Tiếng Anh	<i>Bắt</i>	[1]. <i>Professional English for</i>	Hanoi Open University -	2007

du lịch	buộc	<i>Tourism Training - Textbook</i> KS1 + KS2.	Faculty of Tourism.	
		[2]. <i>English for International Tourism – Workbook.</i>	Longman Press.	2007
		[3]. <i>English for International Tourism – Textbook</i>	Longman Press.	2007
	Tham khảo	[1]. Michael Duckworth.	Oxford University Press	2009
		[2]. Trish Stott & Angela Buckingham. At your Service	Oxford University Press	2009
		[3]. Michael Duckworth High Season	Oxford University Press	2009

12. Tài liệu tham khảo xây dựng chương trình đào tạo

[1]. Chương trình đào tạo ĐH Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội

<http://daotao.ulis.vnu.edu.vn/chuong-trinh-cu-nhan-su-pham-tieng-anh/>

[2]. Chương trình đào tạo ĐHSP Hà Nội

<http://hnue.edu.vn/Daotao/Khungchuongtrinh/tabid/426/frame/40/Default.aspx>

[3]. Chương trình đào tạo ĐH Vinh

http://khoaspnn.vinhuni.edu.vn/DATA/33/upload/602/documents/2017/09/chuong_trinh_dao_tao_nganh_sp_tieng_anh_va_ngon_ngu_anh.pdf

[4]. Chương trình đào tạo ĐH Thái Nguyên

<http://dhsptn.edu.vn/index.php?language=vi&nv=news&op=Chat-luong-giao-duc/Khung-chuong-trinh-dao-cao-1847>

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

13.1. Chương trình đào tạo ngành sư phạm tiếng Anh được áp dụng:

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;

- Đào tạo hình thức giáo dục thường xuyên: Áp dụng quy chế đào tạo giáo dục thường xuyên và thời gian đào tạo kéo dài thêm từ 6 đến 12 tháng;

- Đào tạo liên thông, văn bằng 2: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;

- Thực hiện việc xét miễn học phần, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

13.2. Trưởng các khoa đào tạo chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần, trưởng bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, phòng thực hành chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra. Trưởng các phòng ban, trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

Căn cứ thực tế hiện có và yêu cầu điều kiện về phòng thực hành, tài liệu dạy học phục vụ đào tạo, Trưởng phòng QT,VT-TB, Giám đốc TT TTTV xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung trình Hiệu trưởng quyết định.

13.3. Phương pháp giảng dạy: Tăng cường tính tự học, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, lấy người học làm trung tâm. Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần.

13.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức kiểm tra và thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo.

13.5. Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo). Chương trình chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường thông qua và có Quyết định phê duyệt của Hiệu trưởng./.

HIỆU TRƯỞNG

PGS,TS. Nguyễn Mạnh An